

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

*** **

Đ Ế N	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
	Số _____ Ngày <u>27</u> / <u>12</u> / 20 <u>25</u>

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số:
	Ngày: <u>23</u> - <u>12</u> - <u>2025</u>
	Chuyên:

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH DE HEUS -
CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)**

**ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 4, KCN SÔNG MÂY, XÃ BÌNH MINH,
TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

NĂM 2025

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY. (PREMIX)

*** **

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH DE HEUS -
CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)**

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 4, KCN SÔNG MÂY, XÃ BÌNH MINH,
TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

NĂM 2025

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO

CÔNG TY TNHH DE HEUS -
CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)



Lôai Minh Khoa

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	2
BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025.....	3
PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.4	
1.Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải:	4
1.1Xử lý nước thải:	4
1.2Kết quả quan trắc nước thải:	5
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải:	7
2.1 Xử lý khí thải	7
2.2 Kết quả quan trắc khí thải:	7
2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ.....	7
3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:	9
4. Về quản lý chất thải nguy hại:	9
5.Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	10
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:.....	10
5.2 Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:	10
6.Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy:.....	13
7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:.....	13
PHỤ LỤC.....	14
PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ.....	15
PHỤ LỤC 2. PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC	16

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

HTXL	: Hệ thống xử lý
NĐ-CP	: Nghị định - Chính phủ
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QĐ-BYT	: Quyết định - Bộ y tế
TMDV	: Thương mại dịch vụ
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TVMT	: Tư vấn môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
TM	: Thương mại
DV	: Dịch vụ

CÔNG TY TNHH DE HEUS
- CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số: 02/BC - PREMIX

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

THÔNG TIN CHUNG:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH De Heus - Chi nhánh Sông mây (Premix)
- Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 02513968175
- Người đại diện: Ông JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN BAN
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Loại hình sản xuất: sản xuất chất dinh dưỡng (PREMIX) dùng cho sản xuất thức ăn chăn nuôi
- Quy mô công suất: Sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm
- Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 370191716-041 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/11/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/10/2025
- Giấy phép môi trường số 108/GPMT - KCNĐN do Ban Quản Lý Các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 23/07/2024
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất:

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	
			Năm 2025	Năm 2024
1	Sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi	Tấn sản phẩm/năm	16,404	15,695

- Nguyên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

STT	Nhiên liệu sử dụng	Đvt	Khối lượng	
			Năm 2025	Năm 2024
1.	Nguyên liệu	Tấn/năm	16,432	16,336
2.	Điện	Kw/năm	546.107	525.600
3.	Nước	M ³ /năm	1.345	1.920

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải:

1.1 Xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình xử lý nước thải:

➤ **Nước:** Công ty sử dụng nước tại Công ty TNHH Việt Thăng Long cung cấp với lượng sử dụng 1.345 m³/năm (khoảng 4,5 m³/ngày). Nước dùng cho các mục đích sau:

+ Nước dùng cho sinh hoạt: 3m³/ngày.

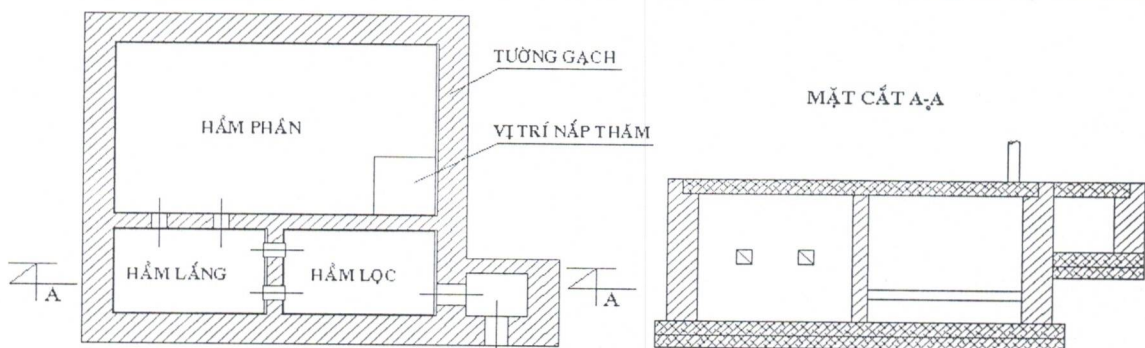
+ Nước dùng cho sản xuất: 1m³/ngày.

+ Nước dùng cho tưới cây xanh, khuôn viên, làm ẩm đường nội bộ: 0,5 m³/ngày.

- **Nước thải sinh hoạt:** nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Nó phân hủy các chất hữu cơ không bền sinh học như cacbonhydrat, protein, mỡ và các chất dinh dưỡng khác. Đặc trưng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt là do các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD), các chất dinh dưỡng (N/P) và vi sinh. Lượng nước thải này được đưa về bể tự hoại sau đó chảy vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Sông mây.

- Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và hiệu quả xử lý tương đối cao. Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm bể chứa – lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn có trong dòng nước thải. Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh hấp thụ và chuyển hoá. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước. Lớp vật liệu lọc bao gồm 3 lớp: lớp sạn 1 x 3cm, lớp cát vàng, lớp đá 4 x 6cm. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn bằng bê tông để nước được tràn đều trên bề mặt lớp vật liệu lọc.

* **Sơ đồ tự hoại của Công ty:** Bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng với các thông số kỹ thuật như sau:



Hình 1: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

❖ **Thuyết minh công nghệ bể tự hoại:**

- Nước thải sinh hoạt chảy vào ngăn 1 (ngăn này chiếm 50% dung tích toàn bể), ngăn này dùng để lắng các hợp chất lơ lửng có kích thước lớn, đồng thời ngăn này còn có chức năng lên men kỵ khí, điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong nước thải. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí được hình thành trong lớp bùn ở đáy và được

các vi sinh vật này hấp thụ, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ dễ phân hủy.

- Sau khi nước thải đi ra ngăn lắng 1, sẽ tự động chảy sang ngăn 2 (ngăn này chỉ chiếm 25% dung tích bể). Tại đây quá trình phân hủy sinh học cuối cùng sẽ được diễn ra và các chất ô nhiễm có trong nước thải được phân hủy hoàn toàn.
- Cuối cùng nước thải chảy qua ngăn số 3 (ngăn này chiếm 25% dung tích toàn bể, ngăn này có chức năng lắng - tách bùn sinh học và các chất lơ lửng ra khỏi dòng nước thải nhờ lớp vật liệu lọc.
- Quá trình lên men kỵ khí sẽ sinh ra các khí như CH₄, CO₂, để thoát các khí này nhằm không gây mùi khó chịu, c đã thiết kế các ống thông hơi uPVC có đường kính D60 nối từ bể tự hoại theo tường phía sau nhà vệ sinh và nối tới mái nhà vệ sinh.
- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình sản xuất được thu gom và lắng sơ bộ sau đó thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của KCN
- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào cống thoát nước chung của KCN Sông mây.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tách riêng biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước thải.

+ Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên nhà xưởng được thu gom bằng các đường ống thoát nước được đặt dọc theo khuôn viên của Công ty, sau đó chảy vào mương hở bằng bê tông cốt thép được xây dựng bao quanh Công ty. Tại các đầu đường mương có lắp đặt các lưới chắn rác để loại bỏ chất thải rắn có kích thước lớn tránh sự cố tắc nghẽn đường cống. Công ty thường xuyên vệ sinh, nạo vét các hố gom nước mưa, tránh bị tắc nghẽn.

1.1.2. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh:

- Trong năm 2024 và 2025 lượng nước thải tại dự án phát sinh vẫn ổn định. Lượng nước thải trung bình khoảng 16 m³/ngày.đêm

1.2 Kết quả quan trắc nước thải:

1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: tháng 2, 7, 9,10/2025
- Tần suất quan trắc: 4 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc và tổng số mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu nước thải tại vị trí đầu nối với KCN .
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Sông mây
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ và phân tích Môi Trường Phương Nam, vimcerts 039.

Bảng 1: Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
1	Nước thải tại vị trí đầu nối KCN	NT	3 tháng/lần	Thể hiện chi tiết tại bảng 2,3,4,5		

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2025
CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Bảng 2: Kết quả phân tích nước thải ngày 27/02/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	TCTN KCN SÔNG MÂY
			NT	
1	pH	-	7,72	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	59	250
3	COD	mg/l	103	400
4	TSS	mg/l	61	200
5	N tổng	mg/l	12,1	60
6	P tổng	mg/l	2,6	8
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	5
8	Coliforms	MPN/100ml	3.800	KGH

Bảng 3: Kết quả phân tích nước thải ngày 03/07/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	TCTN KCN SÔNG MÂY
			NT	
1	pH	-	7,32	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	72	250
3	COD	mg/l	157	400
4	TSS	mg/l	139	200
5	N tổng	mg/l	32,1	60
6	P tổng	mg/l	2,4	8
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	5
8	Coliforms	MPN/100ml	3.500	KGH

Bảng 4: Kết quả phân tích nước thải ngày 16/09/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	TCTN KCN SÔNG MÂY
			NT	
1	pH	-	7,15	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	68	250
3	COD	mg/l	132	400
4	TSS	mg/l	81	200
5	N tổng	mg/l	30,4	60
6	P tổng	mg/l	2,1	8
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	5
8	Coliforms	MPN/100ml	3.200	KGH

Bảng 5: Kết quả phân tích nước thải ngày 22/10/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	TCTN KCN SÔNG MÂY
			NT	
1	pH	-	7,95	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	62	250
3	COD	mg/l	118	400
4	TSS	mg/l	130	200
5	N tổng	mg/l	31,5	60
6	P tổng	mg/l	2,3	8
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	5
8	Coliforms	MPN/100ml	3.500	KGH

* **Nhận xét:** Kết quả phân tích ở các bảng cho thấy: nước thải của Công ty sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Sông mây

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động:

- Công ty không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải:

2.1 Xử lý khí thải

* **Ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:**

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy, nguồn gây ô nhiễm không khí chủ yếu là:
- + Bụi phát sinh từ quá trình nhập hàng, vận chuyển, nạp liệu, đóng bao, tập kết nguyên liệu, sản phẩm...
- + Ngoài ra còn có mùi (H_2S , NH_3) đặc thù của các loại nguyên liệu như bột cá, bột làm chua...
- + Quá trình vận hành của lò hơi này sẽ làm phát sinh bụi và các khí ô nhiễm như SO_2 , NO_x , CO ...
- + Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ta vào khuôn viên nhà máy.

* **Biện pháp giảm thiểu:**

- Tự động hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải.
- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, quạt thông gió được bố trí xung quanh nhà xưởng đảm bảo nhiệt độ ổn định cho công nhân lao động làm việc trong nhà xưởng.
- Kho bãi, xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Trang bị kính, khẩu trang và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân và thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện của công nhân lao động cũng như khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.
- Trồng cây xanh có tán, thảm cỏ trong khuôn viên công ty với tỷ lệ từ 20% diện tích trở lên nhằm giảm phát tán bụi, điều hòa các yếu tố vi khí hậu.

2.2 Kết quả quan trắc khí thải:

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

- Thời gian quan trắc: tháng 2, 7, 9,10/2025
- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc và tổng số mẫu thực hiện quan trắc:
- + Ống thoát khí sau HTXL bụi 1
- + Ống thoát khí sau HTXL bụi 2
- + Ống thoát khí sau HTXL bụi 3
- + Ống thoát khí sau HTXL bụi 4
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ và phân tích Môi Trường Phương Nam, vimcerts 039.

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2025
CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Bảng 6: Thống kê vị trí điểm quan trắc:

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
1	Ống thoát khí sau HTXL bụi 1	KT1	04 lần/năm		Thể hiện chi tiết tại bảng 7,8,9,10	
2	Ống thoát khí sau HTXL bụi 2	KT2				
3	Ống thoát khí sau HTXL bụi 3	KT3				
4	Ống thoát khí sau HTXL bụi 4	KT4				

Bảng 7: Kết quả đo đặc khí thải ngày 27/02/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
			KT1	KT2	KT3	KT4	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	5.287	2.502	6.404	1.790	-
2	Bụi	mg/Nm ³	61	52	53	35	200
3	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	7,5
4	NH ₃	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	50

Bảng 8: Kết quả đo đặc khí thải ngày 03/07/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
			KT1	KT2	KT3	KT4	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	7.596	6.124	7.783	7.033	-
2	Bụi	mg/Nm ³	57	92	61	75	200
3	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	7,5
4	NH ₃	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	50

Bảng 9: Kết quả đo đặc khí thải ngày 16/09/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
			KT1	KT2	KT3	KT4	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	7.436	3.528	7.627	1.873	-
2	Bụi	mg/Nm ³	22	41	32	26	200
3	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	7,5
4	NH ₃	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	50
5	Methyl mercaptan	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	15

Bảng 10: Kết quả đo đạc khí thải ngày 22/10/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KẾT QUẢ				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
			KT1	KT2	KT3	KT4	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	4.234	3.661	5.202	3.073	-
2	Bụi	mg/Nm ³	55	72	80	75	200
3	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	7,5
4	NH ₃	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	50
5	Methyl mercaptan	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	15

* **Nhận xét:** So sánh kết quả phân tích với QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B và có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

- Hầu hết các thông số đều đạt tiêu chuẩn cho phép.
- Nồng độ các chất ô nhiễm đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

2.2.2. Quan trắc khí thải liên tục, tự động:

- Công ty không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải liên tục, tự động.

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng chất thải sinh hoạt được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 11: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt năm 2025

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
1	Tổng khối lượng	5,37	Cty CP Môi trường Sonadezi	15,6

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 12: Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2025

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Chất thải không nguy hại	133.241	Công ty TNHH môi trường Trí Ngọc Đạt	144.000

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 13: Thống kê chất thải rắn nguy hại năm 2025

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
1	Chất thải nguy hại	7,72	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi	4,86

* **Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại trong kỳ báo cáo tới:**

+ Công ty thực hiện đúng trách nhiệm quy định của thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- + Công ty tiếp tục ký hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý chất thải với các đơn vị có chức năng.
- + Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại Công ty không chỉ đối với chất thải rắn.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

Loại sự cố có thể xảy ra	Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường
Sự cố về HTXL khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
Sự cố về bể tự hoại	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
Sự cố vỡ đường ống dẫn thoát nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp thoát nước để phát hiện sớm các sự cố.
Sự cố tràn đổ hóa chất, nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiên liệu, hóa chất trước khi nhập vào kho, phải được kiểm tra cẩn thận, xem có dấu hiệu của hiện tượng rò rỉ hoặc tràn đổ hay không? Nhãn phụ hàng hóa, hạn sử dụng phải rõ ràng. - Nhiên liệu, hóa chất sau khi nhập kho, phải được sắp xếp theo từng chủng loại, đúng khu vực riêng biệt dành cho các loại. - Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phương tiện bảo hộ, ứng phó sự cố xem còn hoạt động tốt hay không. - Nhân viên khi làm việc phải trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động - Thường xuyên kiểm tra sự an toàn của hệ thống điện. - Kiểm tra thao tác xếp dỡ nhiên liệu, hóa chất, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và các phương tiện ứng phó sự cố của các nhân viên làm việc. - Tổ chức diễn tập với các tình huống sự cố giả định nhằm nâng cao năng lực ứng phó sự cố của đội ngũ nhân viên. - Kiểm tra kiến thức an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn phòng cháy chữa cháy của các nhân viên.

5.2 Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

5.2.1 Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

❖ Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất, nhiên liệu:

- Trang bị đầy đủ các phiếu an toàn hóa chất MSDS của từng hóa chất tại khu vực lưu trữ và sử dụng.
- Công ty có sử dụng các loại nguyên nhiên liệu dạng lỏng như dầu làm mát, dầu máy (bảo trì máy móc), dầu DO (vận hành máy phát điện dự phòng) và các loại hóa chất nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên

liệu, Công ty sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố.

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao đều có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.
- Lưu trữ nguyên nhiên liệu với khối lượng ít nhất (đủ dùng).
- Bảo quản nguyên nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Lưu trữ các bình chứa nguyên nhiên liệu tại kho chứa riêng, thông thoáng và có biển báo ghi đầy đủ thông tin;
- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa
- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;
- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;
- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Phương pháp ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu:
 - + Sơ tán người lao động khỏi khu vực xảy ra sự cố;
 - + Sử dụng cát, giẻ lau để hạn chế chảy tràn chất lỏng;
 - + Thu hồi nhiên liệu và vệ sinh khu vực xảy ra sự cố;
 - + Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục các biện pháp an toàn.

❖ **Kho chứa chất thải:**

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.
- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra
- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

❖ **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải hư hỏng, ngưng hoạt động:**

- Hệ thống xử lý khí thải quá tải, không xử lý hết lượng khí thải phát sinh. Hệ thống quạt hút, chụp hút không hoạt động.
- Công ty đã tính toán và thiết kế công suất hệ thống xử lý khí thải ứng với trường hợp lưu lượng khói thải cao nhất.

- Công ty sẽ thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
 - Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.
 - Những người vận hành hệ thống xử lý khí thải sẽ được đào tạo các kiến thức về:
 - + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý khí thải.
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
 - + Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý.
 - Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:
 - + Phải lập tức ngưng sản xuất và báo cáo cáo trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố.
 - + Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên:
 1. Bảo đảm an toàn về con người
 2. An toàn tài sản
 3. An toàn công việc
 - + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ
 - Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải hư hỏng, ngừng hoạt động thì Công ty cam kết ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh chất thải để tiến hành khắc phục đến khi hệ thống xử lý khí thải hoạt động trở lại.
- ❖ Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:**
- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu
 - Đối với các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp thoát nước để phát hiện sớm các sự cố.

5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở:

- Trong năm 2025, Công ty không phát sinh sự cố môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy:

- Trong hoạt động sản xuất Công ty không sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Trong năm 2025, Công ty không có yêu cầu khắc phục của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tư

CÔNG TY TNHH DE HEUS -
CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)



Thái Minh Khoa

PHỤ LỤC

- PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ**
- PHỤ LỤC 2: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC**

PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3701091716-041

Đăng ký lần đầu, ngày 23 tháng 11 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 08 tháng 10 năm 2025

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: DE HEUS LIMITED LIABILITY COMPANY – SONG MAY (PREMIX) BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt: DE HEUS LLC - SONG MAY (PREMIX) BRANCH

2. Địa chỉ:

Đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3968 175

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN GIỚI TÍNH: Nam
BAN

Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1985 Quốc tịch: Hà Lan

Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài:
BER1R7BD7

Ngày cấp: 03/04/2025 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hà Lan

Địa chỉ liên lạc: Căn A1, đường số 10, khu Biệt thự Valora Kikyo, khu phố 8, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH DE HEUS

Mã số doanh nghiệp: 3701091716

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A4 Khu Công nghiệp Hòa Phú, ấp Phước Hòa, Xã Phú Quới, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Le Hoàng Huỳnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7257274733

Chứng nhận lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2022

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 07 tháng 02 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: ngày 05 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7257274733 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH DE HEUS nộp ngày 20 tháng 5 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY CỔ PHẦN MNS FEED - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2; mã số dự án 7257274733 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 02 năm 2024;

Được đăng ký:

- Thay đổi Nhà đầu tư từ CÔNG TY TNHH MNS FEED sang CÔNG TY TNHH DE HEUS do sáp nhập doanh nghiệp.

- Đổi tên dự án từ CÔNG TY TNHH MNS FEED - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2 thành CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**Nhà đầu tư đồng thời là Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

CÔNG TY TNHH DE HEUS; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701091716 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ mười lăm ngày 11 tháng 4 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A4 Khu công nghiệp Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Người đại diện:

- Ông GABOR FLUIT; sinh ngày 11 tháng 11 năm 1979; quốc tịch: Hà Lan; hộ chiếu số: BMJ673R65 do Bộ Ngoại giao Hà Lan cấp ngày 28 tháng 3 năm 2024; địa chỉ thường trú: Moreelsestraat 13, 6717 TN EDE, Netherland; chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Ông JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN BAN; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1985; quốc tịch: Hà Lan; hộ chiếu số: BU06JF2P0 do Bộ Ngoại giao Hà Lan cấp ngày 13 tháng 5 năm 2019; địa chỉ thường trú: Wolborgenmate 11, 7006 De Doetinchem, Netherland; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)** (tên cũ **CÔNG TY TNHH MNS FEED - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI** 2).

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô		Mã VSIC
		Giai đoạn 1 (từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 12 năm 2022)	Giai đoạn 2 (từ tháng 12 năm 2022 trở đi)	
01	Sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi.	28.000 tấn sản phẩm/năm	Tăng quy mô lên 60.000 tấn sản phẩm/năm	1080

3. Địa điểm thực hiện dự án: Đường số 4, Khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 11.261 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 140.000.000.000 (một trăm bốn mươi tỷ) đồng, tương đương 7.014.292,77 (bảy triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín phẩy bảy mươi bảy) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp thực hiện của dự án: 140.000.000.000 (một trăm bốn mươi tỷ) đồng, tương đương 7.014.292,77 (bảy triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín phẩy bảy mươi bảy) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư, do CÔNG TY TNHH DE HEUS góp; tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 47 (bốn mươi bảy) năm kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2003.

Thời hạn hoạt động tại Khu công nghiệp Sông Mây đến tháng 4 năm 2049. Sau thời hạn trên, nếu Khu công nghiệp Sông Mây được gia hạn thời gian hoạt động và nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục đầu tư tại địa điểm hiện tại thì phải thỏa thuận về thời hạn và điều kiện thuê đất với Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mây để tiếp tục hoạt động.

Trường hợp Khu công nghiệp Sông Mây không được gia hạn thêm thời hạn hoạt động, nhà đầu tư phải di dời dự án đến vị trí mới phù hợp để tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện thủ tục chấm dứt dự án theo quy định.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1: Đi vào hoạt động từ tháng 01 năm 2015.
- Giai đoạn 2: Đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2022.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7257274733 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 02 năm 2024.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH DE HEUS được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. ✓

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Dương Thị Xuân Nương

ĐỒNG NAI

**HỢP ĐỒNG
THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG
Số: H /HD-TLD**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 21/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho thuê đất để đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mây;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Sông Mây số 3600390903, đăng ký lần đầu ngày 08/07/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH De Heus số 3701091716, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Vĩnh Long cấp;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở chính Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Sông Mây, hai Bên chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ HẠ TẦNG (Gọi tắt là Bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG MÂY

- Địa chỉ: Đường tỉnh 767, Khu công nghiệp Sông Mây, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513.869436 – Email: hoadondientusongmayip@gmail.com
- Mã số thuế: **3600 390 903**
- Số tài khoản: 0121000012860 tại VCB Đồng Nai.
04070407 0056789 tại HDBank.
- Người đại diện: **TRẦN VIỆT HẢI**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ HẠ TẦNG (Gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY TNHH DE HEUS

- Địa chỉ: Lô A4, KCN Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: +84 (28) 37402745 – Fax: ... – Email: ...
- Mã số thuế: **3701091716**
- Người đại diện: **JOHAN CHRISTIAN VAN DEN BAN**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên đồng ý thực hiện việc cho thuê, thuê quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Thông tin về diện tích đất cho thuê lại:

1. Đặc điểm cụ thể của thửa đất như sau:

- Diện tích: 11.261,0 m² (Bằng chữ: Mười một nghìn hai trăm sáu mươi một phẩy không mét vuông).
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Mây, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Thửa đất số: 32
- Tờ bản đồ số: 11
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 11.261,0 m²
 - + Sử dụng chung: 0 m²
- Mục đích sử dụng: đất khu công nghiệp.
- Thời hạn sử dụng: 21/4/2049.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất đầu tư hạ tầng KCN Sông Mây

2. Các nội dung, thông tin khác:

Vị trí khu đất được xác định tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 11 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 2. Giá thuê đất:

1. Giá cho thuê quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý:

1.1. Tiền thuê lại đất:

- Bên B sẽ thanh toán tiền thuê đất hàng năm với đơn giá thuê lại đất tại thời điểm ký hợp đồng là **14.850 đồng/m²/năm**.

- Đơn giá tiền thuê lại đất trong suốt thời gian thuê sẽ được điều chỉnh sau mỗi chu kỳ 05 (năm) năm theo qui định của pháp luật, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng có hiệu lực. Sau khi điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất, đơn giá mới sẽ đương nhiên được các Bên áp dụng và điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

1.2. Phí sử dụng hạ tầng:

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền phí sử dụng hạ tầng hàng năm với đơn giá là **102.000 đồng/m²/năm**, viết bằng chữ: Một trăm lẻ hai nghìn đồng trên một mét vuông trên năm, (tương đương 4,0 USD/m²/năm, viết bằng chữ: Bốn đô la Mỹ trên một mét vuông trên năm).

- Phí sử dụng hạ tầng được cố định trong suốt thời hạn thuê.

- Phí sử dụng hạ tầng này chưa bao gồm thuế GTGT.

1.3. Phí quản lý:

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền phí quản lý hàng năm với đơn giá là **17.850 đồng/m²/năm**, viết bằng chữ: Mười bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng trên một mét vuông trên năm, (tương đương 0,7 USD/m²/năm, viết bằng chữ: Không phẩy bảy đô la Mỹ trên một mét vuông trên năm).

- Phí quản lý này chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Giá thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng, phí quản lý quy định tại Khoản 1 Điều này được áp dụng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực và không bao gồm các khoản phí như sau: tiền điện, tiền nước sạch, chi phí xử lý nước thải, rác thải và các chi phí dịch vụ khác (nếu có) theo thông báo của Bên A hoặc các bên khác có liên quan.

Điều 3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

1. Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán chuyển khoản tiền Việt Nam đồng vào tài khoản của Bên A (phí chuyển tiền qua Ngân hàng do Bên B chịu).

2. Thời hạn thanh toán:

Hàng năm, Bên B thanh toán tiền thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý bằng tiền đồng Việt Nam (theo tỷ giá quy đổi USD bán ra của Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm thanh toán) cho Bên A chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 theo thông báo bằng văn bản của Bên A được gửi vào tháng 12 của năm liền trước đó và phụ lục điều chỉnh Hợp đồng – điều chỉnh giá thuê sau mỗi chu kỳ 05 năm (nếu có). Trường hợp ngày 31 tháng 01 rơi vào ngày Ngân hàng không làm việc thì Bên B thanh toán chậm nhất vào ngày Ngân hàng làm việc liền kề trước đó. Đối với năm đầu tiên thì Bên B sẽ thanh toán tiền thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý tương ứng với các tháng còn lại của năm dương lịch theo thông báo của Bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

3. Các nội dung thỏa thuận khác:

- Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ còn lại liên quan đến khu đất này của pháp nhân cũ chuyển giao quyền thuê lại đất sang Bên B cho Bên A.

- Trong trường hợp Bên B trễ hạn thanh toán (trừ trường hợp Bên A chậm gửi thông báo) thì Bên A được tính và Bên B đồng ý chịu phạt một số tiền do việc chậm thanh toán này với mức lãi suất bằng 20%/năm trên số tiền chậm trả, thời gian chậm thanh toán phải được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản.

- Nếu quá hạn 30 (ba mươi) kể từ ngày Bên A thông báo bằng văn bản mà Bên B chưa thanh toán các khoản phí đầy đủ và không được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản, Bên A có quyền hạn chế cung cấp dịch vụ hạ tầng (giao thông, cấp nước, tiếp nhận xử lý nước thải, rác thải,...) cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ.

Điều 4. Mục đích thuê đất:

Bên B sẽ sử dụng Khu Đất để đầu tư sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mục tiêu thực hiện dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và phù hợp với quy hoạch, Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Khu công nghiệp Sông Mây.

Điều 5. Thời hạn thuê đất, thời điểm bàn giao:

1. Thời hạn thuê đất: đến ngày 21/4/2049.

2. Thời hạn thuê bắt đầu từ ngày: hợp đồng có hiệu lực.

3. Gia hạn thời hạn thuê: khi hết thời hạn trên, nếu Bên A được cơ quan có thẩm quyền gia hạn cho thuê đất để tiếp tục quản lý, khai thác Khu công nghiệp Sông Mây và nếu Bên B có nhu cầu tiếp tục đặt cơ sở tại Khu công nghiệp Sông Mây thì các bên sẽ thỏa thuận về việc gia hạn thời gian thuê. Đơn giá tiền thuê lại đất, Phí sử dụng hạ tầng, Phí quản lý và các chi phí khác trong thời gian gia hạn sẽ được hai bên thương thảo lại theo giá thị trường tại thời điểm gia hạn, phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

4. Giải quyết khi hợp đồng thuê đất hết hạn:

- Bên A sẽ xúc tiến các thủ tục để nhận lại khu đất, báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền đề nghị thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bên B.

- Bên B phải ngưng ngay mọi hoạt động kinh doanh trên khu đất, đồng thời phối hợp với Bên A xúc tiến các thủ tục cần thiết để chuyển giao khu đất cũng như chuyển trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên A. Bên B phải thực hiện việc dọn dẹp các vật kiến trúc, thiết bị, vật liệu... ra khỏi khu đất trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng này chấm dứt, bàn giao khu đất với mặt bằng sạch cho Bên A trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, đồng thời phải tự chịu mọi chi phí phát sinh liên quan. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thời hạn hoàn trả lại mặt bằng sớm hơn thì các bên thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thời điểm bàn giao đất: được thể hiện tại Biên bản bàn giao.

6. Giấy tờ pháp lý về đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trích đo bản vẽ hồ sơ kỹ thuật thửa đất, Biên bản bàn giao khu đất.

7. Các thỏa thuận khác:

- Các vấn đề về xử lý nước thải:

+ Bên A cam kết rằng Bên A đảm bảo hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam về môi trường trong suốt thời gian thuê;

+ Bên B chịu trách nhiệm đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải nội bộ trong phạm vi khu đất, đảm bảo nước thải đạt Điều kiện tiếp nhận của Bên A;

+ Việc Bên B xử lý và xả nước thải vào hệ thống tiếp nhận của khu công nghiệp sẽ phải chịu sự quản lý, giám sát và kiểm tra thường xuyên của Bên A cũng như của các cơ quan quản lý môi trường trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Bên B không được để nước thải chảy lẫn vào hệ thống thu gom nước mưa của Bên A. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải nội bộ trong phạm vi khu đất phải được Bên B đầu tư xây dựng và vận hành độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Bên B sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát và đảm bảo rằng nước của hai hệ thống này không bị rò rỉ qua lại;

+ Các vấn đề liên quan đến việc Bên A tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên B sẽ được hai bên thảo luận cụ thể và ký kết bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.

- Các vấn đề về môi trường khác (chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, tiếng ồn...):

+ Bên B cam kết các ảnh hưởng khác về môi trường trong suốt quá trình hoạt động như: khói bụi, khí thải, tiếng ồn... sẽ không vượt quá giới hạn cho phép của Nhà nước cũng như của các cơ quan quản lý môi trường địa phương tại khu vực theo từng thời kỳ trong quá trình thực hiện hợp đồng;

+ Trong quá trình hoạt động, Bên B sẽ chuyển giao các loại chất thải như: chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất và sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải xây dựng, các loại chất thải khác ... cho Bên A hoặc bên thứ ba có chức năng tương ứng theo hợp đồng về thu gom và xử lý chất thải độc lập với hợp đồng này.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1. Quyền của Bên A:

- Yêu cầu Bên B khai thác, sử dụng đất theo đúng mục đích, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự án đầu tư và thỏa thuận trong hợp đồng.

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng.

- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị sử dụng của đất; nếu bên thuê không chấm dứt ngay hành vi vi phạm thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, yêu cầu bên thuê trả lại đất đang thuê và bồi thường thiệt hại.

- Yêu cầu Bên B giao lại đất khi hết thời hạn thuê theo hợp đồng.
- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do lỗi của bên thuê gây ra.
- Các quyền khác: Bên A có quyền hạn chế một phần hoặc ngưng cung cấp không xác định thời hạn toàn bộ các dịch vụ hạ tầng như cấp nước, tiếp nhận nước thải, kết nối giao thông đối với khu đất mà không cần thiết phải thông báo trước nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.
- Chuyển giao đất cho Bên B đủ diện tích, đúng vị trí và tình trạng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng.
 - Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.
 - Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
 - Thông báo cho Bên B về quyền của người thứ ba đối với đất thuê (nếu có).
 - Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
 - Các nghĩa vụ khác:
 - + Đảm bảo dành cho Bên B trọn vẹn quyền sử dụng khu đất trong suốt thời hạn thuê để thực hiện dự án theo đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cơ quan có chức năng cấp cho Bên B và phải phù hợp với quy hoạch và báo cáo đánh giá tác động môi trường của Khu công nghiệp Sông Mỹ;
 - + Cam kết khu đất không có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra trong suốt thời hạn thuê;
 - + Hỗ trợ Bên B các hồ sơ cần thiết (nếu có) để Bên B thực hiện việc xin cấp GCN quyền sử dụng đất đối với khu đất do Bên B đứng tên;
 - + Cam kết tôn trọng và không can thiệp vào tài sản hoặc quyền sở hữu về tài sản của Bên B trên khu đất;
 - + Cam kết sẽ không can thiệp vào khu đất với điều kiện Bên B tuân thủ theo đúng hồ sơ quy hoạch, thiết kế kỹ thuật xây dựng đã được phê duyệt và thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng này;
 - + Bên A đã thỏa thuận với ngành Điện Lực và đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện dọc các tuyến đường theo quy hoạch của Khu công nghiệp. Bên B thỏa thuận với ngành điện để cung cấp nguồn điện đáp ứng nhu cầu kinh doanh và chịu toàn bộ chi phí phát sinh từ điểm đấu nối vào khu đất của Bên B. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng điện với đơn vị cung cấp điện và chi trả mọi chi phí sử dụng điện theo lượng điện được cung cấp;
 - + Bên A đã xây dựng hệ thống cấp nước dọc các tuyến đường theo quy hoạch của khu công nghiệp và chỉ định điểm đấu nối vào khu đất. Bên B chịu toàn bộ chi phí phát sinh từ điểm đấu nối vào khu đất của Bên B. Bên B sẽ ký hợp đồng cung cấp và sử dụng nước với Bên A và trả mọi chi phí sử dụng nước theo lượng nước được cung cấp;
 - + Bên A đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa dọc các tuyến đường theo quy hoạch của khu công nghiệp, Bên A phối hợp và chỉ định vị trí để Bên B có thể thực hiện việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa từ khu đất ra hệ thống thu gom nước mưa chung của khu công nghiệp bằng chi phí của Bên B;
 - + Bên A đảm bảo và cam kết tất cả các hạ tầng liên quan đến việc sử dụng khu đất thuê bao gồm hệ thống chiếu sáng công cộng, giao thông, vỉa hè, cây xanh và bảo vệ chung ... thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt của Khu công nghiệp Sông Mỹ;

+ Đối với hệ thống thông tin liên lạc, Bên A hỗ trợ Bên B làm việc với đơn vị cung cấp dịch vụ để thỏa thuận hướng tuyến. Bên B chịu toàn bộ chi phí hợp lý phát sinh từ điểm đầu nối vào khu đất của Bên B. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc với đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc và trả mọi chi phí sử dụng cho dịch vụ thông tin liên lạc;

+ Bên A chịu trách nhiệm thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp (hệ thống hạ tầng bên ngoài khuôn viên khu đất) để cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp luôn trong tình trạng tốt và an toàn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B trong suốt thời gian thuê;

+ Bên A sẽ cung cấp liên tục và đầy đủ các dịch vụ hạ tầng (cấp nước, xử lý nước thải...) cho Bên B trong suốt thời hạn thuê. Trong trường hợp Bên A không cung cấp đầy đủ dịch vụ hạ tầng nói trên vì nguyên nhân chủ quan mà không báo trước, gây thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp cho Bên B thì Bên A chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng cho Bên B;

+ Trong suốt thời hạn thuê, Bên A sẽ duy trì tất cả các giấy phép, giấy chứng nhận và các chấp thuận cần thiết để Bên A thực hiện đúng và đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này;

+ Trường hợp Bên B thực hiện việc điều chỉnh quyền thuê đất hoặc chuyển giao dự án (bao gồm chuyển giao khu đất) cho bất kỳ bên thứ ba nào, Bên A đồng ý ký lại hợp đồng thuê đất với bên nhận chuyển giao, thời hạn của hợp đồng mới là thời gian còn lại của hợp đồng này, các điều kiện và điều khoản của hợp đồng mới sẽ giống các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

1. Quyền của Bên B:

- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất cho thuê.
- Yêu cầu Bên A chuyển giao đất đúng diện tích, đúng vị trí và tình trạng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- Được sử dụng đất thuê theo thời hạn trong hợp đồng.
- Khai thác, sử dụng đất thuê và hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất thuê.
- Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại do lỗi của bên cho thuê gây ra.
- Quyền cho thuê lại: Bên B có quyền cho thuê lại tài sản hình thành hợp pháp trên khu đất thuê, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư theo ĐTM của Khu công nghiệp Sông Mây.
- Các quyền khác:

+ Bên B có quyền tổ chức kinh doanh, thực hiện các dịch vụ trên khu đất theo đúng các nội dung đã được cấp phép tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và phù hợp với quy hoạch, báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Khu công nghiệp Sông Mây theo quy định tại hợp đồng này;

+ Bên B có quyền sở hữu và tự bảo quản tất cả tài sản của mình trong suốt thời gian thuê theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng thời hạn cho thuê.
- Không được hủy hoại đất.
- Thanh toán đủ tiền thuê lại quyền sử dụng đất và các phí sử dụng hạ tầng, phí quản lý theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Tuân theo quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

- Trả lại đất đúng thời hạn và tình trạng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Các nghĩa vụ khác:

+ Trước khi triển khai thi công mới, cải tạo, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản trên khu đất, Bên B phải cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, Giấy phép xây dựng để cùng phối hợp quản lý, đảm bảo theo quy định pháp luật và Điều lệ quản lý xây dựng của Khu công nghiệp Sông Mây;

+ Trong thời hạn thuê, nếu Bên B vì bất cứ một lý do nào không thể tiếp tục triển khai dự án trên khu đất mà thực hiện việc chuyển nhượng tài sản trên khu đất cho bên thứ ba, thì trước khi thực hiện Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước. Bên nhận chuyển nhượng tài sản trên đất phải có ngành nghề hoạt động SXKD phù hợp với quy hoạch, báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Khu công nghiệp Sông Mây, chính sách pháp luật quy định của Nhà nước và phải ký kết một hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng mới với Bên A; Thời hạn của hợp đồng mới là thời gian còn lại của hợp đồng này; các điều kiện và điều khoản của hợp đồng mới sẽ giống các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này;

+ Trong thời hạn thuê, nếu Bên B chia, tách, hợp nhất, sáp nhập dẫn đến hình thành pháp nhân mới, thì Bên B đều phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết và phải ký lại Hợp đồng thuê lại đất, sử dụng hạ tầng mới với Bên A; Thời hạn của hợp đồng mới là thời gian còn lại của hợp đồng này; các điều kiện và điều khoản của hợp đồng mới sẽ giống các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này.

+ Nếu Bên B muốn trả lại một phần hay toàn bộ khu đất trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 90 ngày. Chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên B, Bên A có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Bên B để xác nhận việc chuyển trả khu đất;

++ Trường hợp Bên B trả lại một phần khu đất, các Bên sẽ tiến hành điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng. Bên B bàn giao lại cho Bên A phần diện tích hoàn trả lại như hiện trạng ban đầu;

++ Trường hợp Bên B trả lại toàn bộ khu đất, các bên sẽ thống nhất chấm dứt hợp đồng. Ngày chấm dứt hợp đồng được tính từ ngày Bên B bàn giao khu đất lại cho Bên A. Các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sẽ được hai bên bàn bạc và thống nhất bằng một văn bản khác;

+ Bên B cam kết thực hiện đúng và đầy đủ quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và an toàn lao động trong suốt quá trình hoạt động tại khu đất;

+ Bên B xây dựng bể chứa nước (nếu có) theo quy định của pháp luật về PCCC trong khu đất để làm nguồn dự trữ trong trường hợp thiếu nước và phục vụ công tác PCCC;

+ Việc thiết kế xây dựng trên khu đất thuê phải được Bên A xem xét và chấp thuận trước khi nộp cho cơ quan quản lý nhà nước thẩm định cấp phép, đồng thời phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng do Nhà nước Việt Nam ban hành. Nếu áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài thì trước hết phải được chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam;

+ Ngoài việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền thuê đất, phí sử dụng hạ tầng, phí cung cấp nước sạch, phí xử lý nước thải, các dịch vụ hạ tầng khác cho Bên A, Bên B cam kết tự chịu trách nhiệm và thanh toán các khoản chi phí sử dụng các tiện ích như điện, điện thoại, internet, ... trực tiếp cho các đơn vị cung cấp trong ứng mà Bên B ký hợp đồng sử dụng;

+ Bên B cam kết trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trên khu đất sẽ không làm hư hại hay ảnh hưởng tới bất kỳ một tài sản, công trình nào thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp hay của các nhà máy, công ty khác trong khu công nghiệp;

+ Bên B cam kết chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho những thiệt hại về bất cứ tài sản, hạ tầng kỹ thuật của Bên A hoặc bên thứ ba do Bên B cố ý hoặc vô ý gây ra theo quy định của pháp luật;

+ Bên B cam kết triển khai dự án theo đúng tiến độ được cấp phép tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có chức năng cấp cho Bên B tại Khu công nghiệp Sông Mây. Bên B phải tiến hành bắt đầu hoạt động kinh doanh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này.

Điều 8. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:

1. Trách nhiệm của Bên A khi vi phạm hợp đồng:

- Khắc phục ngay lập tức các vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên B.

- Bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

2. Trách nhiệm của Bên B khi vi phạm hợp đồng:

- Khắc phục ngay lập tức các vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A.

- Bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

3. Các thỏa thuận khác: Bên B có thể bị hạn chế một phần hoặc ngưng cung cấp không xác định thời hạn toàn bộ các dịch vụ hạ tầng như cấp nước, tiếp nhận nước thải, kết nối giao thông đối với khu đất mà không được thông báo trước nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng này.

Điều 9. Cam kết của các bên:

1. Bên A cam kết:

- Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này không thuộc diện bị cấm cho thuê theo quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này được tạo lập theo đúng quy hoạch, đúng thiết kế và các bản vẽ được duyệt đã cung cấp cho Bên B.

2. Bên B cam kết:

- Đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về quyền sử dụng đất cho thuê.

- Đã được Bên A cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến quyền sử dụng đất. Bên B đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của hợp đồng này cũng như các phụ lục đính kèm. Bên B đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên B cho là cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó.

- Số tiền thuê quyền sử dụng đất theo hợp đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với bên thứ ba. Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với việc tranh chấp khoản tiền mà Bên B đã thanh toán cho Bên A theo hợp đồng này. Trong trường hợp có tranh chấp về khoản tiền này thì hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với hai bên.

3. Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.

4. Trong trường hợp một hoặc nhiều điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai bên. Hai bên sẽ thống nhất sửa đổi các điều, khoản, điểm bị

tuyên vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí của hai bên.

5. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong hợp đồng này.

Điều 10. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

- Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, hai bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt hợp đồng.

- Bên B chậm thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất, phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.

- Bên B không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết tại Khoản 2 Điều 7 mà không thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chậm tiến độ.

- Bên A chậm bàn giao quyền sử dụng đất theo thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng này.

- Trong trường hợp bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và hai bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và việc chấm dứt hợp đồng này không được coi là vi phạm hợp đồng.

2. Việc xử lý hậu quả do chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1 như sau:

- Bên A sẽ hoàn trả cho Bên B phí sử dụng cơ sở hạ tầng đã thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày chấm dứt cho đến hết thời gian còn lại của năm đã thanh toán trong trường hợp Bên A vi phạm Hợp Đồng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng chấm dứt.

- Bên B phải thanh toán các khoản nợ tồn đọng, tiền lãi phát sinh và các chi phí khác (nếu có) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng chấm dứt.

Điều 11. Sự kiện bất khả kháng:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng:

- Do chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định.

- Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế mà không thể tổ chức điều hành các hoạt động bình thường của tổ chức/doanh nghiệp mình. Trường hợp này chỉ áp dụng đối với người đại diện theo pháp luật của hai bên.

2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xuất hiện một trong các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều này thì bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp cho bên còn lại biết trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng kèm theo giấy tờ chứng minh về lý do bất khả kháng. Việc bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại có quyền chấm dứt hợp đồng này.

4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của các bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Điều 12. Thông báo:

1. Địa chỉ để nhận thông báo của bên kia: được nêu tại phần mở đầu của hợp đồng này.
2. Hình thức thông báo giữa các bên: các bên có thể trao đổi thông tin qua Email, Fax, thư, điện tin, bàn giao trực tiếp.
3. Bên nhận thông báo: thông báo sẽ được gửi đến địa chỉ trụ sở chính của hai bên hoặc được hai bên thống nhất bằng hình thức khác.
4. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản.
5. Các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do các bên thỏa thuận mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

Điều 13. Các thỏa thuận khác:

- Các trường hợp thay đổi các quy định của pháp luật, các quy định của Nhà nước Việt Nam và/hoặc các nguyên nhân khách quan khác làm tăng chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên A thì hai bên sẽ bàn bạc, thống nhất và thực hiện điều chỉnh các nội dung có liên quan của hợp đồng này bằng một Phụ lục hợp đồng khác.

- Trừ khi được hai bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này không được cải biên, sửa đổi hoặc chuyển nhượng bởi một trong hai bên mà không được sự đồng ý của bên kia. Bất cứ văn bản sửa đổi nào được hai bên ký kết cũng phát sinh hiệu lực ràng buộc và là một phần không thể tách rời với hợp đồng này.

- Việc một bên không áp dụng, thực hiện bất cứ một điều khoản nào trong bản hợp đồng này sẽ không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, ảnh hưởng của nó đến các điều khoản khác của hợp đồng.

- Nếu bất cứ điều khoản, cam kết, quy định nào của hợp đồng này được phát hiện là hoặc trở nên trái pháp luật, vô hiệu hoặc không thể thi hành được thì các điều khoản khác trong hợp đồng này vẫn có hiệu lực và không bị ảnh hưởng hay bị mất hiệu lực.

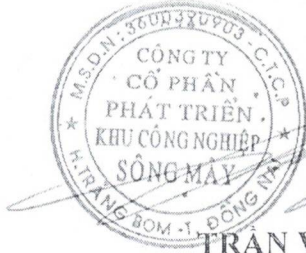
Điều 14. Giải quyết tranh chấp:

Các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoặc phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được hai bên giải quyết thông qua việc thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp thương lượng, hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử theo quy định của pháp luật. Phán quyết của Tòa án là chung thẩm, buộc các bên phải thực hiện.

Điều 15. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng:

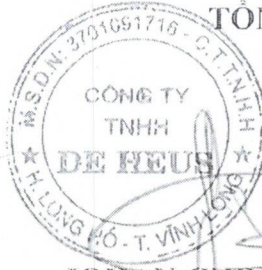
1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày các bên ký tên, đóng dấu.
2. Hợp đồng này gồm có 15 Điều, được lập thành 08 (tám) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 04 (bốn) bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản để lưu trữ, làm thủ tục nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
3. Kèm theo hợp đồng này là các giấy tờ liên quan về đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trích đo bản vẽ hồ sơ kỹ thuật thửa đất, Biên bản bàn giao khu đất.
4. Các phụ lục đính kèm hợp đồng này và các sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của hai bên là nội dung không tách rời hợp đồng này và có hiệu lực thi hành đối với hai bên.
5. Cả hai bên đều đã đọc lại toàn bộ nội dung của hợp đồng và cùng thống nhất ký tên, đóng dấu dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT HẢI

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN BAN

2
5
H
H
★
★
2

★
★
H
H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 05/HDXLNT-2024.

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/6/2014;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các văn bản, hướng dẫn liên quan đến Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;
- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-MTg ngày 10/3/1997 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu công nghiệp Sông Mây;
- Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông mây giai đoạn 2";
- Căn cứ văn bản số 2086/BTNMT-TCMT ngày 24/4/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đối với KCN Sông Mây;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH De Heus số 3701091716, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Vĩnh Long cấp;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng giữa Công ty TNHH De Heus và Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Sông Mây;
- Căn cứ Biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại Khu công nghiệp Sông Mây số 95/BBĐN/KCNSM/2024 ngày 06/08/2024 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mây và Công ty TNHH De Heus;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên;



Hôm nay, ngày 6 tháng 8 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Sông Mây, chúng tôi gồm có:

BÊN A:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG MÂY.

- Địa chỉ : Đường tỉnh 767, Khu công nghiệp Sông Mây, ấp Bùi Chu, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 0251. 3869.553-3869.436.
- Số tài khoản : 0407.0407.00.56789 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HD Bank) - CN Đồng Nai.
- Mã số thuế : 3600390903.
- Người đại diện: Ông **TRẦN VIỆT HẢI.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

BÊN B:

CÔNG TY TNHH DE HEUS

- Địa chỉ: Lô A4, KCN Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: +84 (28) 37402745 – Fax: ... – Email: ...
- Mã số thuế: **3701091716.**
- Người đại diện: **JOHAN CHRISTIAN VAN DEN BAN**
- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên trao đổi, thỏa thuận và thống nhất ký Hợp đồng xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Sông Mây với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý nhận xử lý tất cả lượng nước thải phát sinh từ dự án của Bên B với các thông số ô nhiễm không vượt quá giá trị quy định tại Phụ lục 01 đính kèm theo Hợp đồng.

- Bên B đồng ý để Bên A xử lý tất cả lượng nước thải phát sinh từ dự án của Bên B và trả phí xử lý nước thải cho Bên A theo đúng thời gian quy định đã ký kết trong Hợp đồng.

ĐIỀU 2: VỊ TRÍ ĐIỂM ĐẦU NÓI, ĐIỀU KIỆN ĐỂ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN LƯỢNG NƯỚC THẢI

2.1/ Vị trí điểm đầu nói:

Nước thải của Bên B sẽ được Bên A tiếp nhận nếu hệ thống thoát nước thải từ nhà máy được đầu nối đúng vị trí vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối hạ tầng kỹ thuật số 95/BBĐN/KCNSM/2024 ngày 06/08/2024 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mây và Công ty TNHH De Heus.

2.2/ Phương pháp tính lượng nước thải:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên B.

2.3/ Điều kiện để tiếp nhận, xử lý nước thải:

- Thành phần và nồng độ nước thải của Bên B đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Sông Mây không được vượt quá giá trị giới được quy định chi tiết tại **Phụ lục 01** đính kèm theo Hợp đồng.

- Bên B phải thực hiện việc tách rời triệt để hệ thống thu gom nước mưa, nước thải trong khu vực của dự án và không được để hệ thống thu gom nước mưa và nước thải hòa trộn vào nhau.

- Nước thải phát sinh từ dự án của Bên B chỉ được Bên A tiếp nhận khi hệ thống thoát nước nội bộ của Bên B được kết nối phù hợp với vị trí quy định của Bên A, đúng kỹ thuật và có biên bản xác nhận của 2 Bên.

ĐIỀU 3: MỨC PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, HÌNH THỨC THANH TOÁN VÀ ĐẶT CỌC HỢP ĐỒNG

3.1/ Mức phí và cách tính phí xử lý nước thải:

3.1.1/ Điều kiện thường: Đơn giá phí xử lý nước thải: Đơn giá phí xử lý nước thải tại thời điểm ký Hợp đồng được tạm tính là 12.750 đồng/m³ nước thải, (tương đương 0,5 USD/m³ nước thải, viết bằng chữ: Không phải năm đô la Mỹ trên một mét khối nước thải). Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT và được áp dụng cho chu kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2026.

- Đơn giá phí xử lý nước thải sẽ được hai Bên thỏa thuận điều chỉnh bằng một phụ lục Hợp đồng khác sau mỗi chu kỳ 03 (ba) năm, mỗi lần tăng 15% so với chu kỳ trước đó hoặc khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá phí xử lý.

Sau này, nếu Chính phủ Việt Nam điều chỉnh quy chuẩn tiếp nhận tại nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Sông Mây và Bên A phải thực hiện xử lý nước thải đạt quy chuẩn cao hơn quy định hiện tại (*hiện nay là Quy chuẩn A - QCVN 40:2011/BTNMT ban hành tại Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với hệ số kq=0.8, kf=1*) hoặc chính sách pháp luật về BVMT thay đổi thì hai bên sẽ thảo luận để điều chỉnh lại hợp đồng và phí xử lý nước thải cho phù hợp với quy định hiện hành.

Trong trường hợp, Bên A lấy mẫu kiểm tra, phân tích đột xuất, phát hiện thành phần và nồng độ nước thải của Bên B có thông số vượt quá giới hạn quy tại **Phụ lục 01**, Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và tính phí xử lý nước thải tăng thêm của Bên B trong tháng đó như sau:

a/ Nếu hàm lượng ô nhiễm của các thông số nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn tiếp nhận quy định tại Phụ lục 01:

$$T = F \times Q$$

Trong đó:

- T: chi phí xử lý nước thải.
- F: đơn giá xử lý 1m³ nước thải là 8.800 đồng/m³.
- Q: Lượng nước thải (tính bằng 80% khối lượng nước cấp đầu vào).

b/ Nếu hàm lượng ô nhiễm của các thông số vượt giới hạn tiếp nhận quy định tại Phụ lục 01:

$$T = F \times Q \times K$$

- K: là hệ số tính thêm được tính căn cứ vào kết quả phân tích của các lần lấy mẫu đột xuất trong tháng. Thông số có hàm lượng ô nhiễm (chỉ tiêu COD, pH hoặc thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3) mà hệ số K cao nhất trong các lần lấy mẫu sẽ được chọn làm hệ số tính thêm. Nhóm ô nhiễm 1, 2, 3 được quy định tại **Phụ lục 01** của Hợp đồng.

➤ Hệ số K xác định bằng chỉ tiêu COD như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	≤ 400	1,0
2	401 - 500	2,0
3	501 - 600	3,0
4	>600	5

➤ Hệ số K xác định bằng chỉ tiêu pH như sau:

STT	Hàm lượng pH	Hệ số K
1	4 - 4,9 hoặc pH từ 9,1 - 10	1,3
2	3 - 3,9 hoặc pH từ 10,1 - 11	2,0
3	≤ 2,9 hoặc ≥ 11,1	3,0

➤ Hệ số K xác định theo nhóm các chỉ tiêu như sau:

Quy định đối với hệ số K thuộc nhóm 1:

K là hệ số tính thêm phụ thuộc vào hàm lượng ô nhiễm nằm trong **nhóm 1**. Giá trị hệ số K được quy định như sau:

Stt	Hàm lượng giới hạn các thông số (mg/l)	Hệ số K
1.	≤ Phụ lục 1	1,0
2.	Vượt ≤ 1,1 lần so với Phụ lục 1	1,2
3.	Vượt > 1,1 đến ≤ 1,2 lần so với Phụ lục 1	1,4
4.	Vượt > 1,2 đến ≤ 1,3 lần so với Phụ lục 1	1,6
5.	Vượt > 1,3 đến ≤ 1,4 lần so với Phụ lục 1	1,8
6.	Vượt > 1,4 đến ≤ 1,5 lần so với Phụ lục 1	2,0
7.	Vượt > 1,5 lần so với Phụ lục 1	5

Quy định đối với hệ số K thuộc nhóm 2:

K là hệ số tính thêm phụ thuộc vào hàm lượng ô nhiễm nằm trong **nhóm 2**. Giá trị hệ số K được quy định như sau:

Stt	Hàm lượng giới hạn các thông số (mg/l)	Hệ số K
1.	≤ Phụ lục 1	1,0
2.	Vượt ≤ 1,2 lần so với Phụ lục 1	1,2
3.	Vượt > 1,2 đến ≤ 1,4 lần so với Phụ lục 1	1,4

4.	Vượt > 1,4 đến ≤ 1,6 lần so với Phụ lục 1	1,6
5.	Vượt > 1,6 đến ≤ 1,8 lần so với Phụ lục 1	1,8
6.	Vượt > 1,8 đến ≤ 2,0 lần so với Phụ lục 1	2,0
7.	Vượt > 2,0 lần so với Phụ lục 1	5

Quy định đối với hệ số K thuộc nhóm 3:

K là hệ số tính thêm phụ thuộc vào hàm lượng ô nhiễm nằm trong **nhóm 3**. Giá trị hệ số K được quy định như sau:

Stt	Hàm lượng giới hạn các thông số (mg/l)	Hệ số K
1.	≤ Phụ lục 1	1,0
2.	Vượt ≤ 1,4 lần so với QCVN 40:2011 cột B	1,2
3.	Vượt > 1,4 đến ≤ 1,8 lần so với Phụ lục 1	1,4
4.	Vượt > 1,8 đến ≤ 2,2 lần so Phụ lục 1	1,6
5.	Vượt > 2,2 đến ≤ 2,6 lần so với Phụ lục 1	1,8
6.	Vượt > 2,6 đến ≤ 3,0 lần so với Phụ lục 1	2,0
7.	Vượt > 3,0 lần so với Phụ lục 1	5

3.2/ Thời điểm tính phí xử lý nước thải:

Thời điểm tính phí nước thải: bắt đầu từ ngày **15/7/2024**.

Căn cứ vào chỉ số đồng hồ cung cấp nước sạch hàng tháng của Bên B được ghi hàng tháng, Bên A sẽ thông báo thu tiền phí xử lý nước thải.

3.3/ Hình thức thanh toán:

Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam (chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt). Các chi phí liên quan đến việc chuyển khoản do Bên B thanh toán.

3.4/ Thời hạn thanh toán:

Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trả tiền và hóa đơn thanh toán, Bên B phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn phí xử lý nước thải cho Bên A. Trong trường hợp, Bên B không thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn thì Bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải đồng thời sẽ tính lãi cho phần thanh toán chậm với mức lãi suất bằng 20%/năm trên số tiền chậm trả. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ngưng tiếp nhận nước thải, nếu Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng xử lý nước thải. Bên A vẫn giữ nguyên yêu cầu thanh toán và có quyền khởi kiện Bên B ra tòa án theo quy định của pháp luật.

3.5/ Đặt cọc hợp đồng:

Sau khi ký hợp đồng, trong vòng 15 ngày Bên B phải đặt cọc cho Bên A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này sẽ được Bên A hoàn trả lại cho Bên B, khi Bên B chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh tại KCN Sông Mây và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với Bên A.

ĐIỀU 4: QUY ĐỊNH VỀ NGỪNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI VÀ NGỪNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B trong các trường hợp sau:

- Thành phần và nồng độ nước thải vượt giới hạn tiếp nhận quy định tại **Phụ lục 01**.
- Bên B không thực hiện các điều, khoản thanh toán của Hợp đồng.
- Bên B không thực hiện tách rời hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khu vực dự án, hay thực hiện đấu nối mà không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, vị trí phù hợp của Bên A.
- Bên B không tuân thủ hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm duy tu và sửa chữa, cải thiện hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khu vực dự án khi cần thiết, làm hư hỏng hoặc rò rỉ hệ thống thoát nước thải ra bên ngoài gây ô nhiễm môi trường.
- Bên B bị phát hiện có hành vi xả nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN.
- Bên B sử dụng nước ngầm trái quy định của Nhà nước.
- Bên B vi phạm các điều, khoản quy định của Hợp đồng thuê đất và sử dụng hạ tầng đã ký kết với Bên A.
- Bên B bị cơ quan quản lý Nhà nước xử phạt đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời.

Trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cung cấp nước sạch nếu Bên B có thiện chí hợp tác, biết khắc phục, và giải quyết những lỗi đã gây ra thì Bên A sẽ cân nhắc để tiếp tục tiếp nhận nước thải và cung cấp nước sạch cho Bên B. Tất cả các chi phí phát sinh có liên quan đến việc tiếp nhận nước thải trở lại và cung cấp nước sạch sẽ được chi trả bởi Bên B.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- Bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải và yêu cầu đơn vị cung cấp nước ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B nếu Bên B vi phạm những điều, khoản của Hợp đồng đã ký kết.

- Bên A sẽ không giới hạn số lần lấy mẫu nước thải của Bên B trong tháng để kiểm tra hàm lượng ô nhiễm và có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào xả thải trong ngày, tháng mà không cần thông báo trước. Trong trường hợp không có sự hiện diện của đại diện Bên B để ký biên bản tại thời điểm lấy mẫu thì Bên A phải có hình ảnh ghi nhận lại để làm bằng chứng hoặc có sự giám sát và ký xác nhận của nhân viên nhà nước có chức năng như (Cảnh sát Môi trường, Công an KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường).

- Trong trường hợp phát hiện đường ống bị hư hỏng, rò rỉ nước thải ra bên ngoài gây ô nhiễm môi trường thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa, thay thế ngay phần bị hư hỏng.

- Bên A sẽ gửi mẫu nước thải phân tích tại Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai hoặc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3) để kiểm tra các thông số ô nhiễm có nằm trong giới hạn tiếp nhận quy định tại **Phụ lục 01** hay không, lấy đó làm cơ sở để tính phí xử lý nước thải của Bên B như nội dung đã nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này. Nếu thông số môi trường vượt quy chuẩn đấu nối thì Bên B phải trả phí phân tích cho Bên A, còn nếu thông số môi trường không vượt chuẩn đấu nối thì phí phân tích sẽ do Bên A chi trả.

- Bên A có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên B liên tục bao gồm cả ngày Lễ, Tết, và Chủ nhật, ngoại trừ trường hợp có vấn đề kỹ thuật xảy ra ảnh hưởng tới khả năng tiếp nhận nước thải của Bên A.

- Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật phải sửa chữa, khắc phục hoặc khi Bên A thực hiện sửa chữa, duy tu định kỳ hệ thống thu gom nước thải, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất là 01 ngày để Bên B chủ động có kế hoạch lưu giữ nước thải trong khu vực dự án cho đến khi Bên A hoàn tất việc sửa chữa đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định trở lại.

- Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn nước thải sau xử lý, tuân theo những tiêu chuẩn quy định của Chính phủ trước khi thải ra môi trường.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- Bên B có quyền yêu cầu Bên A tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ dự án của Bên B và xử lý đạt quy chuẩn quy định của Chính phủ trước khi thải ra môi trường.

- Trong suốt quá trình hoạt động, Bên B không được tăng lưu lượng nước thải, trong trường hợp tăng lưu lượng xả thải Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 12 tháng để Bên A chủ động có kế hoạch điều chỉnh công suất của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

- Bên B có trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải phát sinh đạt giới hạn của **Phụ lục 01**. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên A (kể cả thiệt hại do Bên A bị các cơ quan chức năng xử phạt), trả chi phí để Bên A khắc phục những sự cố của nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN nếu nguyên nhân là do nước thải của Bên B chưa được xử lý sơ bộ đạt đúng giới hạn cho phép đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp (**Phụ lục 01**) gây ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung.

- Bên B có quyền phối hợp với Bên A khi thực hiện kiểm tra, giải quyết vấn đề liên quan đến việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom tập trung của Khu công nghiệp.

- Bên B có trách nhiệm thực hiện quản lý, duy tu thường xuyên hệ thống thoát nước của Bên B đảm bảo sự ổn định, tránh trường hợp nước mưa và nước thải hòa trộn vào nhau, hoặc nước thải thoát ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

- Khi Bên B tiến hành sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cục bộ thì phải có văn bản thông báo cho Bên A biết cụ thể về thời gian thi công và hoàn thiện việc nâng cấp, sửa chữa và phải được bên A chấp thuận bằng văn bản, trong thời gian Bên B tiến hành thi công (sửa chữa, nâng cấp hệ thống XLNT) thì Bên A sẽ tính hệ số tính thêm bằng 5 ($K=5$).

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và lệ phí đóng phạt cho Bên A trong trường hợp các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra phát hiện hệ thống thu gom nước mưa tập trung của Bên A bị hòa trộn nước thải mà nguyên nhân là do Bên B không thực hiện tách rời hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khu vực dự án, hay thực hiện đầu nối mà không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, vị trí phù hợp của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp bản vẽ thiết kế thoát nước nội bộ của Bên B đã được cơ quan chức năng phê duyệt cho Bên A để làm nền tảng cho việc kiểm tra việc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Bên B có trách nhiệm xây dựng bể chứa nước dự trữ trong khuôn viên nhà máy để có thể lưu giữ nước thải tạm thời khi có sự cố xảy ra hoặc khi sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

- Bên B cam kết không sử dụng nước ngầm và trám lấp toàn bộ các giếng khoan theo đúng quy định của Nhà nước. Nếu Bên B bị phát hiện sử dụng nước ngầm, Bên A sẽ truy thu phí xử lý nước thải bằng với công suất tối đa của các giếng ngầm cho toàn bộ thời gian kể từ khi ký kết Hợp đồng này đến ngày bị phát hiện và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và toàn bộ chi phí khắc phục môi trường khi Bên B bị phát hiện xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của KCN đồng thời phải nộp phí kiểm soát cho Bên A số tiền là 100.000.000 đồng/1 lần vi phạm (Một trăm triệu đồng cho một lần vi phạm). Bên A sẽ ra thông báo (không xuất hóa đơn) và có chứng từ thu tiền khi Bên B thanh toán số tiền nộp phạt.

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

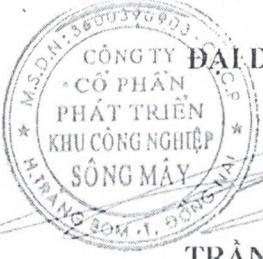
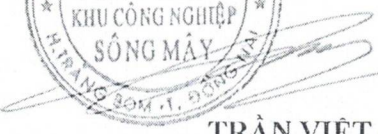
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng.
- Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai Bên sẽ thương lượng tự giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu không tự giải quyết được thì hai Bên thống nhất sẽ khiếu nại tại Tòa án tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Các chi phí về kiểm tra xác minh và chi phí Tòa án do bên có lỗi phải chi trả.

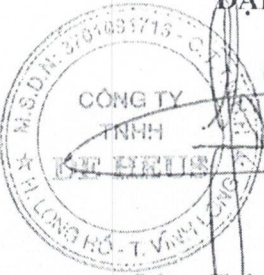
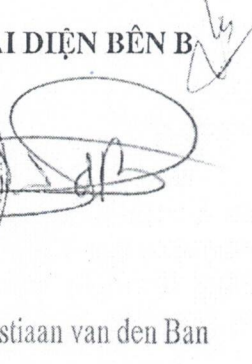
ĐIỀU 8: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai Bên tiến hành việc thanh lý Hợp đồng hoặc theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành khi hai Bên thỏa thuận ký phụ lục Hợp đồng hoặc thay bằng Hợp đồng mới.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Những điều khoản chưa được đề cập trong hợp đồng này sẽ được căn cứ vào những quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản.
- Hai bên đã đọc tất cả nội dung của Hợp đồng, hiểu và thừa nhận nội dung hiện tại là phù hợp. Hai bên đồng ý ký kết và thực hiện Hợp đồng.


ĐẠI DIỆN BÊN A

TRẦN VIỆT HẢI


ĐẠI DIỆN BÊN B

Johan Christiaan van den Ban

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Hợp đồng XLNT số 05/HĐXLNT-2024 ngày 6/8/2024)

**Bảng quy định giới hạn tiếp nhận nước thải đầu ra của doanh nghiệp
và phân loại nhóm ô nhiễm.**

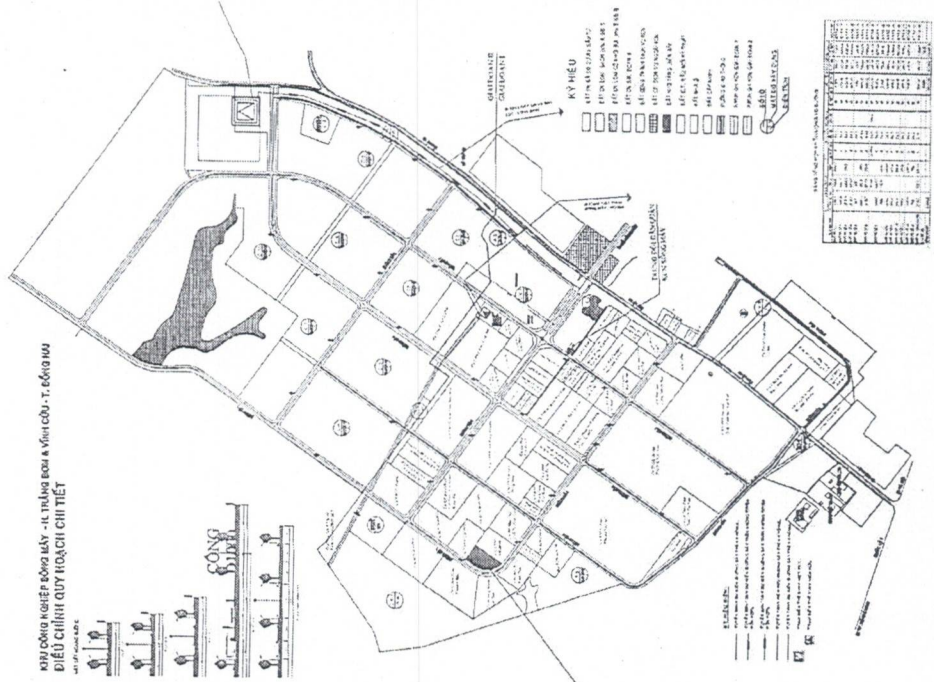
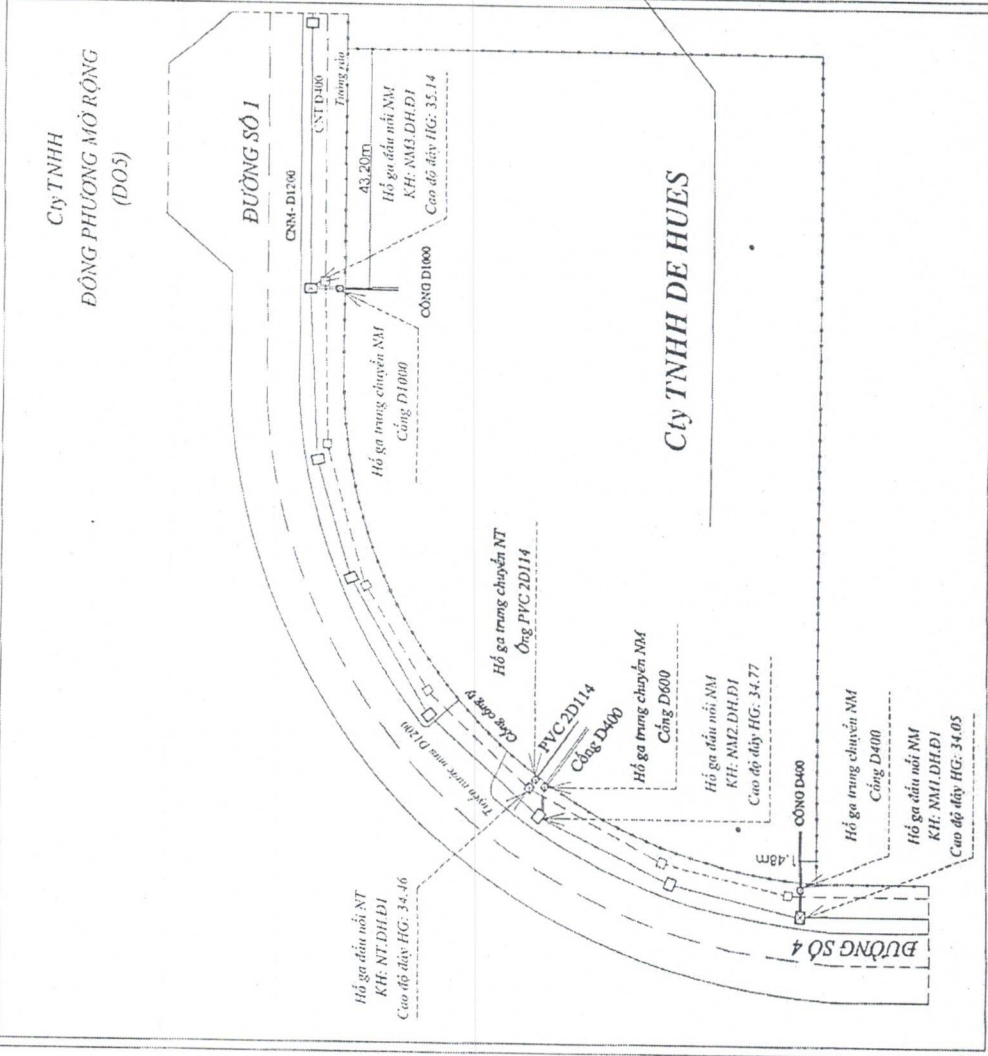
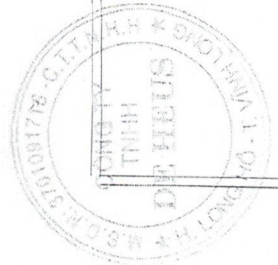
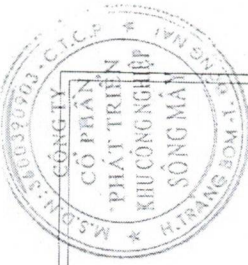
TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải	Phân loại nhóm ô nhiễm
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	45	3
2.	pH	-	5 - 9	1
3.	Độ màu (Co-Pt ở pH = 7)	-	70	2
4.	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	250	2
5.	COD	mg/l	400	2
6.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200	2
7.	Asen (As)	mg/l	0,05	1
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,005	1
9.	Chì (Pb)	mg/l	0,1	1
10.	Cadimi (Cd)	mg/l	0,05	1
11.	Crom (VI)	mg/l	0,05	1
12.	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13.	Đồng (Cu)	mg/l	2	1
14.	Kẽm (Zn)	mg/l	3	1
15.	Niken (Ni)	mg/l	0,2	1
16.	Mangan (Mn)	mg/l	0,5	1
17.	Sắt (Fe)	mg/l	1	1
18.	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,07	1
19.	Tổng Phenol	mg/l	0,1	1
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	2
21.	Clo dư	mg/l	2	2
22.	Tổng PCB	mg/l	0,003	1
23.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	3
24.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,05	3
25.	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	1	3
26.	Florua	mg/l	5	1
27.	Clorua (Cl)	mg/l	1.000	3

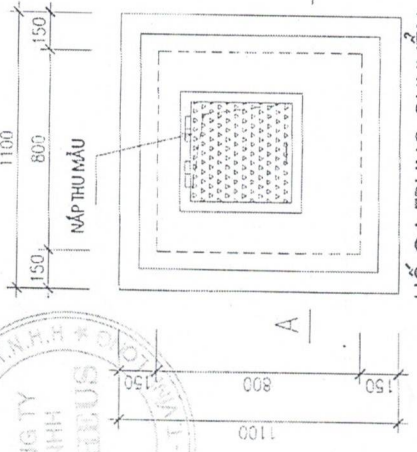
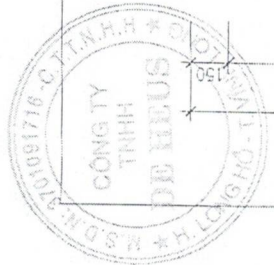


TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải	Phân loại nhóm ô nhiễm
28.	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	10	2
29.	Tổng Nitơ	mg/l	60	2
30.	Tổng Phốtpho	mg/l	8	3
31.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	1
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	1
33.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	2
34.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	30	2
35.	Coliform	Vi khuẩn/100ml	Không giới hạn	

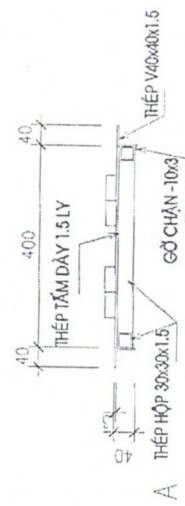
SƠ ĐỒ THỎA THUẬN VỊ TRÍ ĐÁU NÓI NƯỚC MƯA NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH DE HUES

Nước Thải: Ký hiệu hố ga trung chuyên NT: NT.DH.D1 ; Cao độ đáy hố ga đấu nối NT: 34.46
 Nước Mưa: Ký hiệu hố ga trung chuyên NM: NM1.DH.D1 ; Cao độ đáy hố ga đấu nối NM: 34.05
 Ký hiệu hố ga trung chuyên NM: NM2.DH.D1 ; Cao độ đáy hố ga đấu nối NM: 34.77
 Ký hiệu hố ga trung chuyên NM: NM3.DH.D1 ; Cao độ đáy hố ga đấu nối NM: 35.14

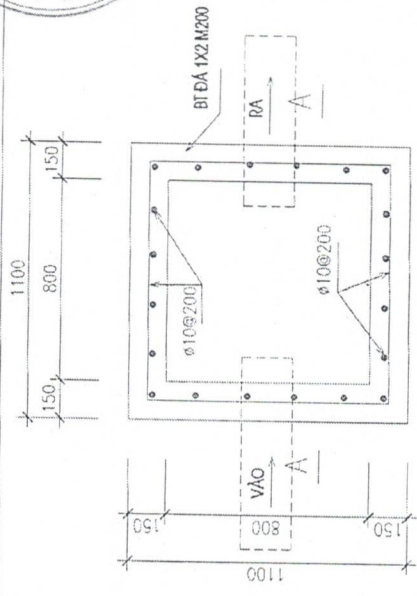




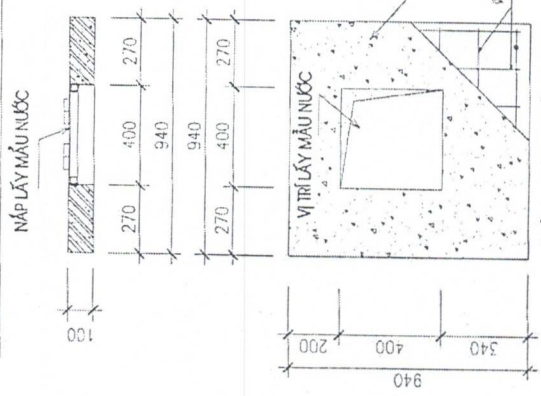
HỒ GA TRUNG CHUYỂN
CÓ NÁP THU MẪU NƯỚC THẢI TL 1/20



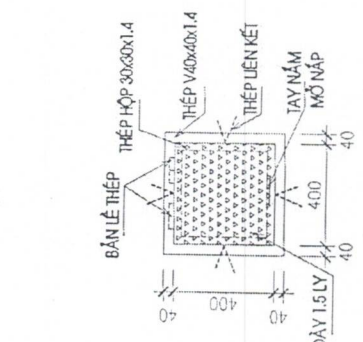
MC NÁP THU MẪU
(INOX SUS 304)



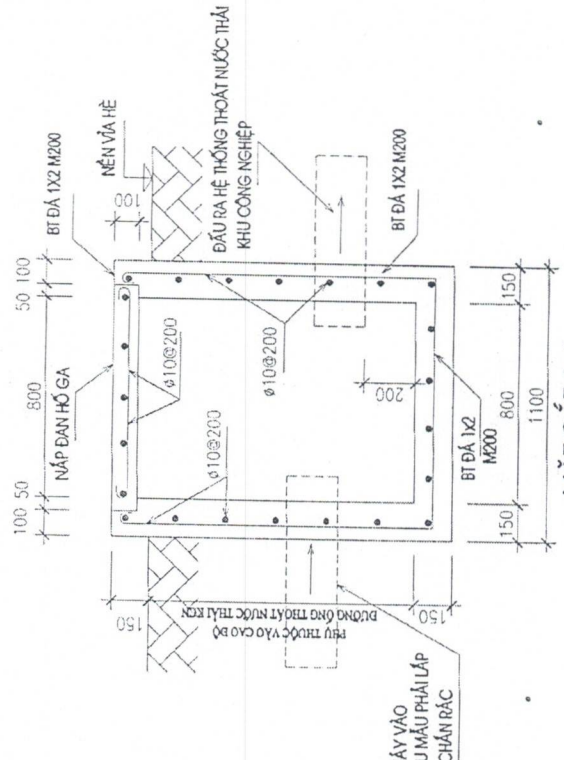
MB BỐ TRÍ THÉP THÀNH HỐ GA



NÁP ĐẠN HỐ GA

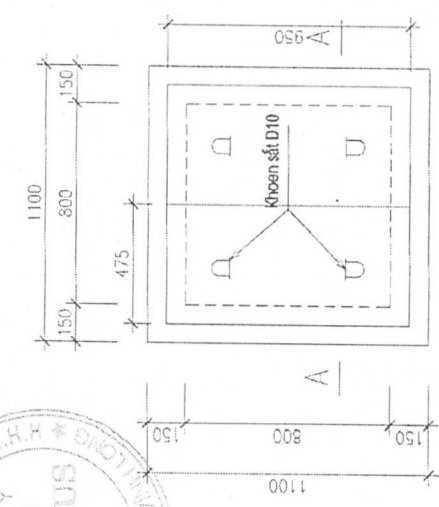
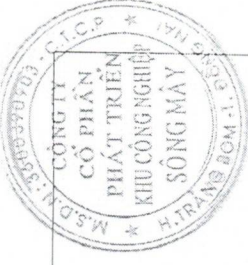
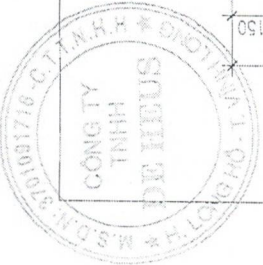


CT NÁP THU MẪU
(INOX SUS 304)

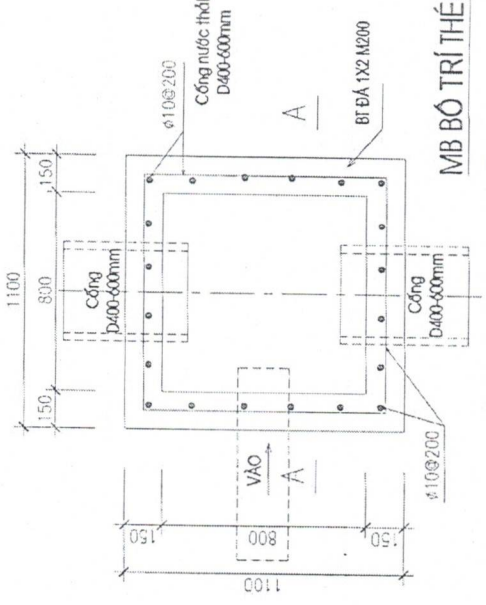


MẶT CẮT A-A

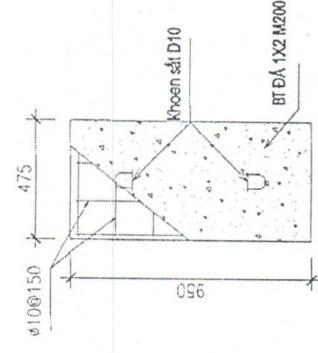
PHÒNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG MÂY	TÊN BẢN VẼ HỒ GA TRUNG CHUYỂN	GHỊ CHỮ 1. MẶT ĐẠN HỐ GA HOÀN THIỆN CAO HƠN MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN (MẶT VÍA HỀ HOÀN THIỆN) TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA LÀ 20 cm. 2. NÁP THU MẪU LÀM BẰNG INOX SUS 304 . TẦM ĐẠN BÉ TÓNG CỐT THÉP. 3. CAO ĐỘ ĐẶT HỐ GA TỰ THUỘC VÀO CAO ĐỘ ĐƯỜNG ống THOÁT NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA.
	TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT TRƯƠNG THANH BÌNH	
NGÀY	SỐ BV: NT 01/02	BẢN VẼ THI CÔNG



HỒ GA ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI 1/20



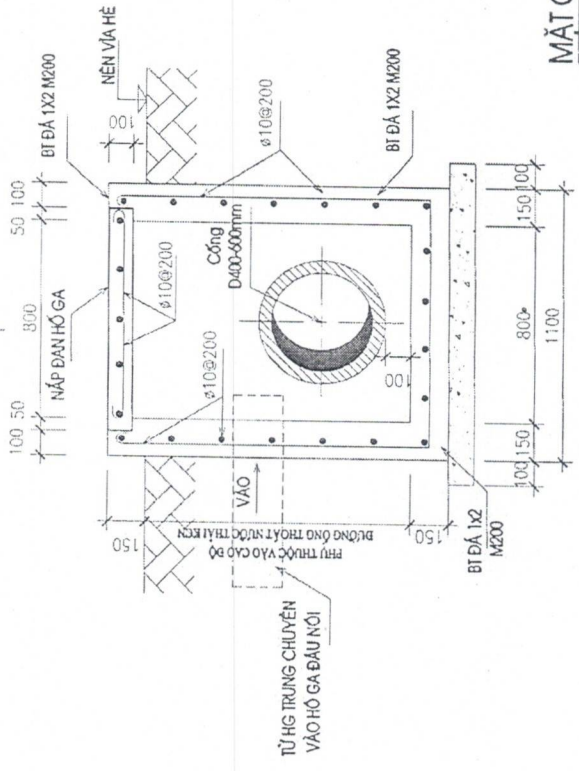
MB BỐ TRÍ THÉP THÀNH HỐ GA



NẮP ĐẠN HỐ GA



MC NẮP ĐẠN HỐ GA

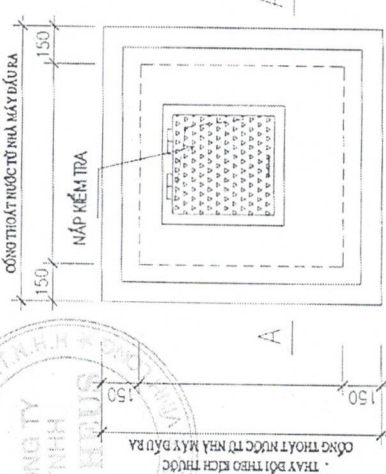
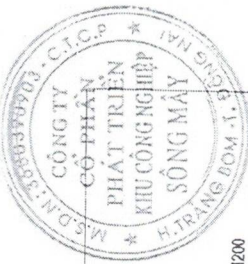


MẶT CÁT A-A

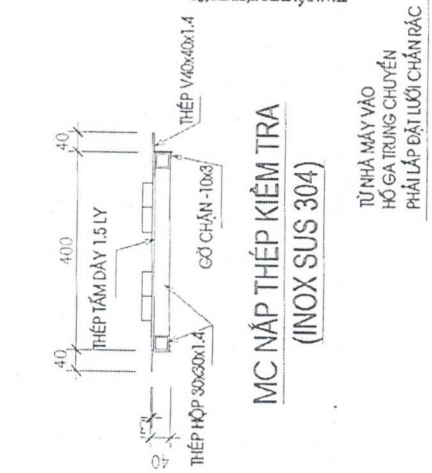
PHÒNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG MÁY	TÊN BẢN VẼ HỒ GA ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI	SỐ B.V: NT 02/02	BẢN VẼ THỰC CÔNG
	TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT TRƯỜNG THÀNH BÀNH		
NGÀY			

CHÚ Ý	<ol style="list-style-type: none"> HỒ GA BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2 M200. THÉP $d < 10$ NHÓM CI ($R_{Gk} = R_{Gt} = 20000 \text{ KG/cm}^2$) THÉP $d \geq 10$ NHÓM CII ($R_{Gk} = R_{Gt} = 26000 \text{ KG/cm}^2$)
-------	--

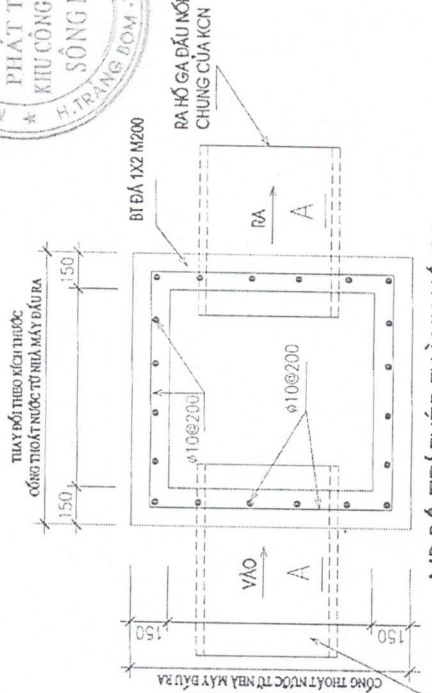
GHI CHÚ	<ol style="list-style-type: none"> MẶT ĐẠN HỒ GA HOÀN THIỆN CAO HƠN MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN (MẶT VÀO HỀ HOÀN THIỆN) TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỒ GA LÁ 20 cm. TẦM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP. CAO ĐỘ ĐÁY HỒ GA TÙY THUỘC VÀO CAO ĐỘ ĐƯỜNG ống THOÁT NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỒ GA.
---------	--



HỐ GA TRUNG CHUYỂN NƯỚC MƯA

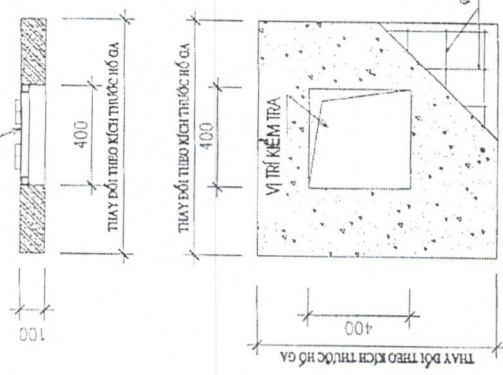


MC NÁP THÉP KIỂM TRA (INOX SUS 304)

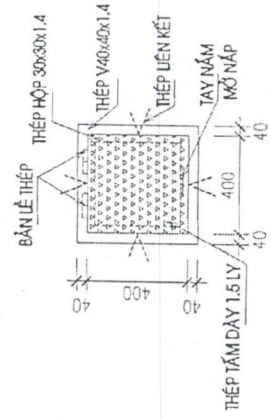


MB BỐ TRÍ THÉP THÀNH HỐ GA

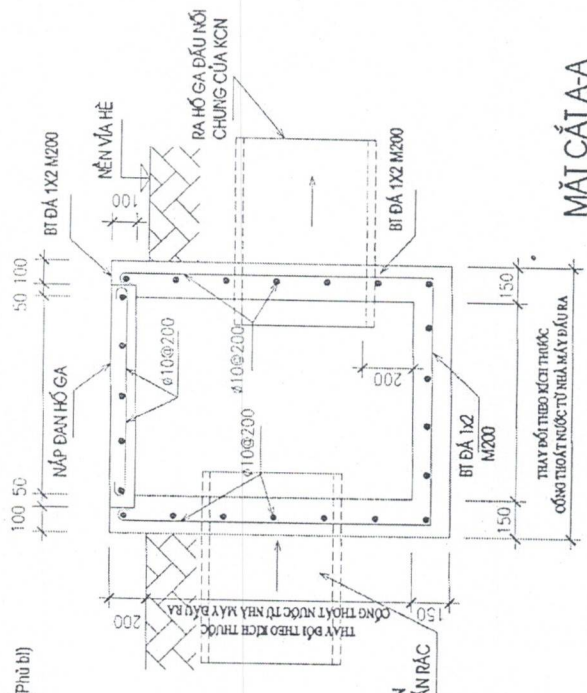
CHÚ Ý: KÍCH THƯỚC HỐ GA KHÔNG ĐƯỢC NHỎ HƠN 1100 x 1100 mm (Phi b1)



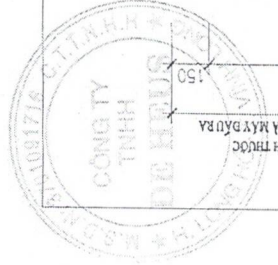
NÁP ĐẠN HỐ GA



CT NÁP THÉP KIỂM TRA (INOX SUS 304)



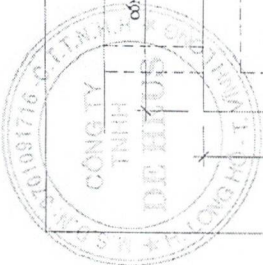
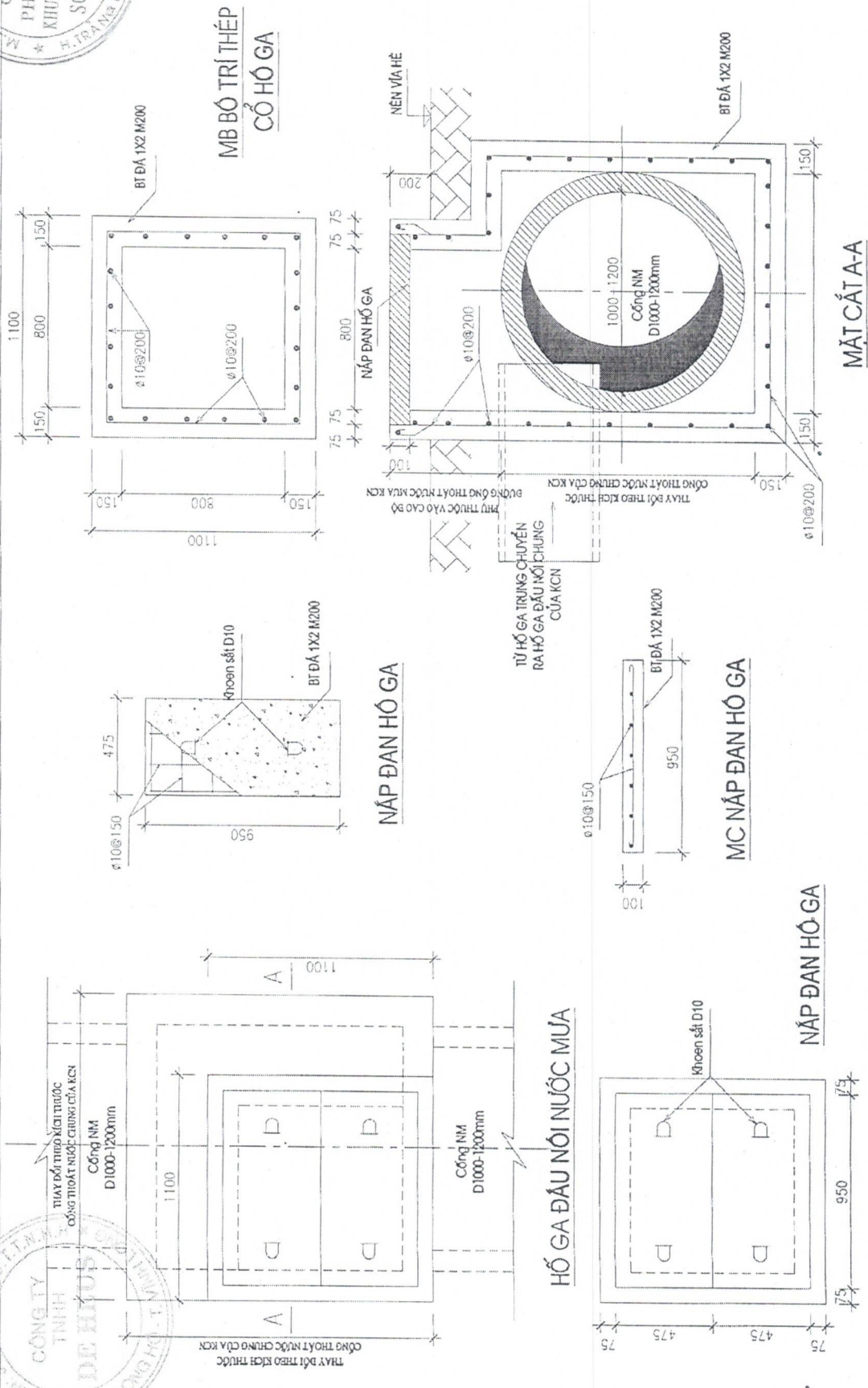
MẶT CÁT A-A



PHÒNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG MÁY	TÊN BẢN VẼ HỐ GA TRUNG CHUYỂN NƯỚC MƯA	SỐ BV: NM/01/02	BẢN VẼ THI CÔNG
	TRƯỜNG THÀNH BÌNH		
KỶ THUẬT	11/12/2023		
Ngày:			

CHÚ Ý	1. HỐ GA BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2 M200. 2. THÉP d < 10 NHÓM CI (Ra=Ra=200KG/cm2) 3. THÉP d = 10 NHÓM CI (Rg=Ra=260KG/cm2)
-------	--

GHỊ CHÚ	1. MẶT ĐẠN HỐ GA HOÀN THIỆN CAO HƠN MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN (MẶT VÀ HỀ HOÀN THIỆN) TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA LÀ 20 cm. 2. NÁP THỦ MẪU LÀM BẰNG INOX SUS 304, TẦM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP. 3. CAO ĐỘ ĐẶT HỐ GA TÙY THUỘC VÀO CAO ĐỘ ĐƯỜNG ống THOÁT NƯỚC MƯA CỦA KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA.
---------	--



PHÒNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG MÁY TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT TRƯƠNG THÀNH BÌNH	TÊN BẢN VẼ	HỐ GA ĐẦU NỐI NƯỚC MUA (HỐ GA ĐẦU NỐI VÀO NHÀ TẮNG CHUNG CỬA KCN)	
	SỐ BẰ: NM 02/02	BẢN VẼ THI CÔNG	
CHÚ Ý	1. HỐ GA BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2 M200. 2. THÉP $d < 10$ NHÓM CI ($R_{p0.2} = 2000\text{KG/cm}^2$) 3. THÉP $d \geq 10$ NHÓM CI ($R_{p0.2} = 2600\text{KG/cm}^2$)		
GHI CHÚ	1. MẶT ĐẠN HỐ GA HOÀN THIỆN CAO HƠN MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN (MẶT VÀ HỀ HOÀN THIỆN) TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA LÀ 20 cm. 2. TẦM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP. 3. CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA TỰ THUỘC VÀO CAO ĐỘ ĐƯỜNG ống THOÁT NƯỚC MUA CỦA KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VỊ TRÍ ĐẶT HỐ GA.		

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 162/GPMT-KCNĐN ngày 04/12/2023 do Ban Quản lý các KCN cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần MNS Feed tại đường số 04, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH De Heus tại Văn bản số 01/GPMT-DEHUES đề ngày 09/7/2024 về việc đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần MNS Feed tại đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH De Heus (tên cũ Công ty Cổ phần MNS Feed, sau đây gọi tắt là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 370109176, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 07/06/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7257274733, chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2022, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 05/06/2024 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 370109176.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 11.261 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 đến ngày 04 tháng 12 năm 2033.

Điều 4. Giấy phép môi trường số 162/GPMT-KCNĐN ngày 04/12/2023 do Ban Quản lý các KCN cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất dinh dưỡng (premix) dùng trong chăn nuôi, công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần MNS Feed tại đường số 04, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Công ty CP Phát triển KCN Sông Mây;
- Công ty TNHH De Heus (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (TH)

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108 /GPMT-KCNĐN ngày 23 /7 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sông Mây, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Chủ dự án tiếp tục thực hiện đầu nối và xử lý nước thải phát sinh đảm bảo giới hạn tiếp nhận của KCN theo thỏa thuận tại Hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐXLNT/-2013 ngày 01/02/2013 và Phụ lục 1A (Điều chỉnh Phụ lục 1 Hợp đồng xử lý nước thải) với Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mây - đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Sông Mây.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh và các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC $\Phi 200 - 250\text{mm}$ và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sông Mây tại 01 vị trí hố ga đầu nối nằm trên đường số 4, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Sông Mây để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại: 02 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Nước thải sinh hoạt* → *bể tự hoại 3 ngăn* → *hố ga giám sát nước thải* → *Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN* → *Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Sông Mây*.

- Tổng thể tích thiết kế: 14 m^3 (gồm 01 bể thể tích 10 m^3 tại khu vực văn phòng, 01 bể thể tích 4 m^3 tại khu vực nhà xưởng).

- Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống công rãnh

định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của trạm xử lý nước thải tập trung KCN Sông Mây theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN, không được xả thải trực tiếp ra môi trường

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sông Mây để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108 /GPMT-KCNDN ngày 23 /7 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu bằng tay.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu túi lớn.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu bằng gàu tải.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu bằng tay trên máy trộn.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu trên micro bin.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền.
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ gàu sau nghiền.
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ gàu sau cân định lượng.
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ bin thành phẩm.
- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ bin định lượng.
- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ cân đóng bao.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01, 02, 03): 01 vị trí tại miệng ống thải chung sau 01 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nạp liệu bằng tay, 01 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu túi lớn và 01 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu bằng gàu tải, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.214.848$ và $Y = 412.168$.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 09 và nguồn số 11): 01 vị trí tại miệng ống thải chung sau 06 hệ thống xử lý bụi tại bin thành phẩm và 01 hệ thống xử lý bụi từ cân đóng bao, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.214.853$ và $Y = 412.244$.

- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 04, 06, 07, 08): 01 vị trí tại miệng ống thải chung sau 02 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu bằng tay trên máy trộn, 01 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền, 01 hệ thống xử lý bụi từ gàu sau nghiền, 01 hệ thống xử lý bụi từ gàu sau cân định lượng, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.214.853$ và $Y = 412.175$.

- Dòng khí thải số 04 (tương ứng với nguồn số 05 và nguồn số 10): 01 vị trí tại miệng ống thải chung sau 02 hệ thống xử lý bụi túi vải nạp liệu trên micro bin và 08 hệ thống xử lý bụi từ bin định lượng, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.214.866$ và $Y = 412.208$.

(Theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi giờ 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $43.650 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.650 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.900 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 14.100 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 14.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v=1$, $K_p=0,9$) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc liên tục, tự động
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT		
Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04						
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	180	-		
3	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75	-		
4	NH ₃	mg/Nm ³	45	-		
5	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø300mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.
- Nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø300mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.
- Nguồn số 03 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø300mm

về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 04 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 02 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 05 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 02 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 06 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø400mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 07 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 08 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 09 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 06 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 10 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø200mm về 08 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 11 được thu gom bằng đường ống thép, kích thước Ø300mm về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 01

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 01) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 02

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 02) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 03

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 03) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 650 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 04

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 04) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 02 hệ thống 1.400 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.5. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 05

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 05) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 02 hệ thống 1.400 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.6. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 06

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 06) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.7. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 07

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 07) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 650 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.8. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 08

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 08) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

Công suất thiết kế: 01 hệ thống 650 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.9. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 09

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 09) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 06 hệ thống 650 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.10. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 10

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 10) → Ống dẫn → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 08 hệ thống 1.400 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.11. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 11

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải (Nguồn số 11) → Ống dẫn → Lọc bụi*

túi vải → Quạt hút → Ống thải → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Vận hành máy móc, thiết bị ở chế độ đảm bảo đúng công suất thiết kế.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01, 02, 03) với tổng lưu lượng 8.650 m³/giờ. Trong đó: 01 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nạp liệu bằng tay (nguồn số 01) công suất 4.000 m³/giờ, 01 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu túi lớn (nguồn số 02) công suất 4.000 m³/giờ và 01 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu bằng gàu tại (nguồn số 03) công suất 650 m³/giờ.

- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 09 và nguồn số 11) với tổng lưu lượng 6.900 m³/giờ. Trong đó: 06 hệ thống xử lý bụi tại bin thành phẩm (nguồn số 09) công suất 650 m³/giờ/hệ thống và 01 hệ thống xử lý bụi từ cân đóng bao (nguồn số 11) công suất 3.000 m³/giờ.

- Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 04, 06, 07, 08) với tổng lưu lượng 14.100 m³/giờ. Trong đó: 02 hệ thống xử lý bụi từ nạp liệu bằng tay trên máy trộn (nguồn số 4) công suất 1.400 m³/giờ/hệ thống, 01 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền (nguồn số 06) công suất 10.000 m³/giờ, 01 hệ thống xử lý bụi từ gàu sau nghiền (nguồn số 07) công suất 650 m³/giờ, 01 hệ thống xử lý bụi từ gàu sau cân định lượng (nguồn số 08) công suất 650 m³/giờ.

- Dòng số 04 (tương ứng với nguồn số 05 và nguồn số 10) với tổng lưu lượng 14.000 m³/giờ. Trong đó: 02 hệ thống xử lý bụi túi vải nạp liệu trên micro bin (nguồn số 05) công suất 1.400 m³/giờ/hệ thống và 08 hệ thống xử lý bụi từ bin định lượng (nguồn số 10) công suất 1.400 m³/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo 04 vị trí dòng thải được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=1, K_p=0,9$))	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 20:2009/BTNMT)
Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	180	-
3	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75	-
4	NH ₃	mg/Nm ³	45	-
5	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108 /GPMT-KCNĐN ngày 23 /7 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực nghiên.
- Nguồn số 02: Tại khu vực trộn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn.

Tọa độ các điểm phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 1.208.928 và Y = 404.342.
- Nguồn số 02: X₁ = 1.207.425 và Y₁ = 404.336; X₂ = 1.207.426 và Y₂ = 404.338.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn xung quanh, QCVN 24:2016/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

• *Tiếng ồn:*

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

• *Độ rung:*

STT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108 /GPMT-KCNĐN ngày 23 /7 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng phát sinh khoảng 384 (kg/năm).

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Phân loại ký hiệu	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	48
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	132
3	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	48
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	48
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	48
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	KS	60
Tổng khối lượng phát sinh					384

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng phát sinh khoảng: 21.638 (kg/năm).

STT	Nhóm CTCNTT	Trạng thái	Mã chất thải	Phân loại ký hiệu	Khối lượng (Kg/năm)
1	Rác thông thường (bụi premix dính đất bô,...)	Rắn	-	-	5.443
2	Nhóm nhựa: bao bì phế	Rắn	18 01 06	TT-R	1.071
3	Nhóm giấy: bao bì carton, giấy vụn	Rắn	18 01 05	TT-R	14.481
4	Sắt, thép phế	Rắn	-	-	643
Tổng khối lượng phát sinh					21.638

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh khoảng: 7,8 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	7,8
Khối lượng phát sinh		7,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa HDPE có nắp đậy thể tích 120 lít và 240 lít kết hợp bao PP chống thấm; có dán nhãn, mã chất thải để phân loại.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10,2 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí khu vực riêng biệt; có tường bao và mái che, nền bằng bê tông cốt thép, bố trí gờ rãnh để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp đổ tràn, có lắp trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào các bao PP chống thấm hoặc trên pallet gỗ.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 167,14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí trong khu vực có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Công ty đã trang bị các thùng chứa bằng nhựa HDPE với dung tích loại 12 lít và 45 lít; bố trí tại các khu vực phát sinh (khu vực văn phòng, khu vực sản xuất và nhà vệ sinh); sau đó, chất thải rắn sinh hoạt sẽ được công nhân viên vận chuyển, tập trung vào các thùng dung tích 120 lít tại khu vực lưu chứa tập trung bên ngoài nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108 /GPMT-KCNĐN ngày 23 /7 /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

8. Trong quá trình hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần KCN Sông Mây, UBND huyện Trảng Bom, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP.



Số: 388 /2025/HĐ.RT

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Điện thoại : 0251.3968175 - Fax:

- Mã số thuế : 3701091716-041

- Tài khoản :

- E-mail nhận hóa đơn điện tử: Raiden.Thanh@deheus.com

- Đại diện : Thái Minh Khoa - Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)

- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Tổng đài hỗ trợ: 19003160

- Điện thoại: (0251) 3951771

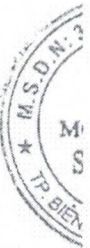
- Mã số thuế : 3600274914

- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

- Đại diện : Bà Quách Ngọc Bửu

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:



Điều 1. Nội dung dịch vụ

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) được chứa trong thùng rác loại **240 lít của bên A tự trang bị** (trường hợp bên A có trang bị loại thùng 120 lít, hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120 lít = 01 thùng 240 lít)
2. Cơ sở xác định khối lượng CTRSH 01 thùng/lần giao: CTRSH chứa tối đa đến miệng thùng.
3. Địa điểm thu gom: Tại địa chỉ bên A
4. Tần suất thu gom:
 - Lịch cố định: Thứ 3, 6 hàng tuần (thời gian thu gom từ 19h30' hôm trước đến 03h30' hôm sau)
5. Thông tin liên hệ: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30. Tổng đài hỗ trợ 19003160.
 - Phòng Tài chính Kế toán: Phụ trách hóa đơn và công nợ, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694.
 - Phòng Kinh doanh: Phụ trách hợp đồng, khối lượng và lịch thu gom, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 395 1 771, (0251) 38850 784

Điều 2. Quyền và trách nhiệm bên A

1. Quyền

- a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng theo Điều 01 của hợp đồng.
- b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

2. Trách nhiệm

- a. Thực hiện việc phân loại, quản lý chất thải theo đúng quy định trước khi giao CTRSH cho bên B. Bỏ gọn CTRSH vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.
- b. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải. Trong trường hợp bên A làm mất/thất lạc biên bản giao nhận chất thải thì bên A phải thanh toán theo biên bản giao nhận chất thải do bên B lưu giữ.
- c. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.
- d. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.
- e. Không được để lẫn chất thải công nghiệp, các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, tủ bàn ghế, cành nhánh cây to, ... vào CTRSH giao bên B. Nếu phát sinh chất thải trên, bên A phải phân loại riêng với CTRSH và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

- f. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng và bồi thường mọi chi phí phát sinh cho bên B và các bên có liên quan trong trường hợp bên A để lẫn các loại chất thải khác vào chất thải giao cho bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các loại chất thải sau: chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ, chất thải lây nhiễm, ...
- g. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao CTRSH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.
- h. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B

1. Quyền

- a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao CTRSH cho bên B, hoặc vì bất kỳ lý do nào do lỗi của bên A mà bên B không được thu gom, thì bên B có quyền không thu gom và bên A phải thanh toán chi phí cho bên B số tiền **190.000 đồng** (chưa bao gồm thuế GTGT).
- b. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

2. Trách nhiệm

- a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.
- b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 1 ngày.
- c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện dịch vụ.
- d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- **Thùng 240L: 190.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Một trăm chín mươi ngàn đồng)
- **Thùng 660L: 335.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng)
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 240 lít/tháng.**

(716-04)
NG TY
NH
HEUS
NHÁNH
NG MÂY
REMIX)
OM-1.00

0274

NG 1
PHÁ
TRUC
NADE

A-T-D

3. Trong thời gian 01 tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề): Nếu bên A không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu, bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo khối lượng tối thiểu tương ứng với số tiền là: **380.000 đồng**.
4. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước **15 ngày** và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
5. Hàng tháng, bên B sẽ tổng hợp biên bản giao nhận chất thải (nếu có) trong tháng giữa hai bên để làm cơ sở xuất hóa đơn thanh toán giá trị dịch vụ. Thời gian chốt khối lượng là ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng này).
6. Phương thức thanh toán: *Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*.
Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng, trước **ngày 16 của tháng liền kề** (phí chuyển khoản do bên A chi trả).
7. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (**tính từ ngày 16 của tháng liền kề đến ngày** bên A thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
8. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

Điều 5. Các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp bên A thay đổi thành phần chất thải, tuần suất thu gom, thời gian thu gom, khối lượng, ... mà hai bên đã thống nhất trước đó thì bên A phải thông báo cho bên B biết trước 03 ngày để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Đồng thời bên A phải thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Nhà nước, bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường

hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẫn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

- Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác, sự thay đổi các chính sách của Nhà nước, ...
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

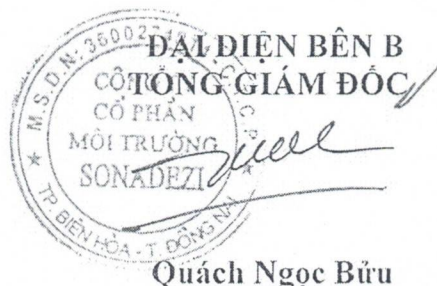
- Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.**
- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
- Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên B, thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
- Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.
- Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.
2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợp có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. *T. ✓*



Thái Minh Khoa



Quách Ngọc Bửu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số : 01-2025-CTCN PREMIX

V/v: thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ

(gọi tắt là “Hợp Đồng”)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022;
- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DE HEUS- CHI NHÁNH SÔNG MÂY(PREMIX)

Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0251 3968 175

Mã số thuế : 3701091716-041

Đại diện là : Ông THÁI MINH KHOA Chức vụ : Giám Đốc nhà máy

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÍ NGỌC ĐẠT

Đại diện : MAI HỒNG ĐẠT

Địa chỉ : Số 259, Tò 3, Phường Phước Tân , Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại :

Mã số thuế : 3603405227

Tài khoản :

Hai Bên đồng ý ký hợp đồng với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

De Heus đồng ý chấp thuận chỉ định Nhà Cung Cấp thực hiện và Nhà Cung Cấp cam kết thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý các chất thải chất thải công nghiệp (“CTCN”), sản xuất, kinh doanh của nhà máy của De Heus có địa chỉ tại Đường số 4 , KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai , Việt Nam

1.1. (danh mục chất thải được liệt kê tại Điều 2) phù hợp theo quy định pháp luật và quy định tại Hợp Đồng này, sau đây gọi là “Công Việc”.



1.2. Nhà Cung Cấp đảm bảo toàn bộ lượng CTCN được thu gom từ De Heus sẽ được xử lý đúng quy định của pháp luật. Nhà Cung Cấp tự chịu trách nhiệm đối với CTCN sau khi nhận bàn giao từ De Heus.

1.3. Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải

- Thời gian thu gom: Trong vòng 24 giờ kể từ ngày nhận được thông báo từ De Heus.

Địa điểm thu gom: Đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phương tiện vận chuyển, phương thức và địa điểm xử lý

- Phương tiện vận chuyển: Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đúng với yêu cầu của pháp luật đối với các loại chất thải được yêu cầu thu gom.

- Cho mỗi lần thực hiện việc giao nhận CTCN hai Bên phải được lập thành biên bản bàn giao ghi rõ khối lượng và loại chất thải được ký xác nhận bởi đại diện của De Heus và Nhà Cung Cấp theo quy định của pháp luật (“Biên bản bàn giao”).

- Phương thức xử lý: Theo đúng phương án xử lý được quy định tại Giấy Phép Môi Trường.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Danh sách các loại chất thải cần xử lý và đơn giá:

I	Chất thải công nghiệp	Số lượng	Đơn giá
	Tên sản phẩm		
1	Giấy	Kg	100Vnd
2	Bao	Kg	100Vnd
3	Chất rắn có nguồn gốc hữu cơ (Premix phé)	Kg	100Vnd

- Tần suất thu gom: 4 lần/ tháng

2.2. Hình thức và thời gian thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ) và thanh toán theo tổng khối lượng mỗi quý

- Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản của Nhà Cung Cấp nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

- Bên A chi trả cho bên B theo đơn giá đã ký kết.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Nhà Cung Cấp phải cung cấp cho De Heus các hồ sơ pháp lý có liên quan do De Heus yêu cầu.

3.2 Hai bên cùng ký vào Chứng từ, Biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.

3.3 **Quyền và trách nhiệm của De Heus:**

- De Heus có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.

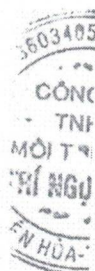
- Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.

- Hướng dẫn Nhà Cung Cấp về đường đi bên trong nhà máy để Nhà Cung Cấp đến được các địa điểm thu gom chất thải.

- Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có.
- Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Nhà Cung Cấp.
- Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của De Heus cho nhân viên của Nhà Cung Cấp vào thu gom chất thải.
- Thanh toán cho Nhà Cung Cấp theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.
- Nếu Nhà Cung Cấp vi phạm bất kỳ điều kiện, điều khoản của Hợp Đồng này hoặc có tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này, De Heus có quyền tạm ngừng việc chuyển giao chất thải hoặc chuyển giao chất thải cho bên thứ ba và tạm ngừng thanh toán mà không phát sinh lãi cho tới khi các tranh chấp đó được giải quyết.

3.4 Quyền và trách nhiệm của Nhà Cung Cấp:

- Cam kết có đăng ký ngành nghề phù hợp để cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng, có phương tiện chuyên dụng, có đầy đủ và duy trì hiệu lực các giấy phép, chứng chỉ (Giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy phép môi trường, Giấy phép hành nghề xử lý CTCH) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này theo quy định của pháp luật. Thông báo ngay lập tức cho De Heus nếu có bất cứ sự điều chỉnh, hết hiệu lực của các giấy phép, chứng chỉ nêu trên và chịu trách nhiệm trong trường hợp thanh tra, kiểm tra liên quan đến việc thực hiện công việc trong Hợp đồng.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận Chất thải của De Heus bàn giao cho đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó và đền bù mọi thiệt hại cho De Heus liên quan đến sai phạm. Nhà Cung Cấp đồng ý và hiểu rằng Nhà Cung Cấp sẽ tự mình thực hiện các hoạt động vận chuyển, lưu giữ, xử lý các chất thải đã được Nhà Cung Cấp thu gom, chịu trách nhiệm và giữ cho De Heus không bị liên can, không bị ảnh hưởng, không chịu trách nhiệm đối với các hoạt động đó của Nhà Cung Cấp. De Heus sẽ không chịu trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc vận chuyển, lưu giữ, chuyển giao, xử lý do Nhà Cung Cấp thực hiện đối với các chất thải đã được Nhà Cung Cấp thu gom.
- Thông báo cho De Heus nếu có phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải để cùng phối hợp giải quyết.
- Vận chuyển, xử lý chất thải cho De Heus theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung Hợp Đồng.
- Nhà Cung Cấp sẽ thu gom chất thải của De Heus đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa chất thải, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải của Nhà Cung Cấp.
- Nhà Cung Cấp đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của De Heus theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đúng theo pháp luật hiện hành.
- Nhà Cung Cấp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý Chất thải khi được De Heus yêu cầu.
- Tuân thủ quy định nội bộ của De Heus về an toàn lao động, vệ sinh lao động, môi trường và PCCC trong quá trình làm việc ở các khu vực do De Heus quản lý. Đảm bảo an toàn cho tài sản, tính mạng của De Heus và Bên thứ ba, nếu xảy ra sự cố làm thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng và tài sản của De Heus và Bên thứ ba thì Nhà Cung Cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tuân thủ các quy định được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp Đồng này.



- Trường hợp Nhà Cung Cấp trong thời gian Hợp Đồng có hiệu lực không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này (không thu gom xử lý chất thải theo thời gian thống nhất giữa hai bên ; không cung cấp đủ các giấy tờ cần thiết hoặc cung cấp thiếu sót bất cứ giấy tờ nào liên quan đến việc xử lý hoặc kết quả xử lý Chất thải nguy hại cho De Heus; ...) thì Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại mọi chi phí mà De Heus đã thanh toán trước đó và chịu phạt theo quy định pháp luật và bồi thường cho De Heus các thiệt hại, các chi phí phát sinh do hậu quả của việc hủy hoặc không tuân thủ Hợp đồng từ phía Nhà Cung Cấp theo quy định của pháp luật.
- Chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại khi vi phạm Hợp đồng, không bảo đảm chất lượng, không đúng tiến độ, gây ô nhiễm môi trường và hành vi vi phạm khác do mình gây ra.
- Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án quy định tại Hợp Đồng. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện Hợp Đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh.
- Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong Hợp Đồng do De Heus cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.
- Không chuyển giao cho bên thứ ba các chất thải của De Heus mà Nhà Cung Cấp đã thu gom và nhận xử lý, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi thực hiện.

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1 Hiệu lực Hợp Đồng: Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 01/10/2026 nêu tại phần đầu Hợp Đồng này và tự động gia hạn hàng năm, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

4.2 Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt khi một trong Hai Bên chấm dứt hoạt động theo pháp luật doanh nghiệp hoặc Nhà Cung Cấp hoàn tất đầy đủ các nghĩa vụ của mình như nêu tại Hợp đồng (kể cả nghĩa vụ bảo hành) và De Heus hoàn tất việc thanh toán các chi phí đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho Nhà Cung Cấp hoặc khi Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

Trong trường hợp này, Hai Bên sẽ lập biên bản thanh lý Hợp đồng trong thời gian không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt.

4.3 Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- Trong những trường hợp sau đây (“**Sự Kiện Vi Phạm**”), De Heus có quyền chấm dứt, hoặc đình chỉ, hoặc hủy bỏ Hợp đồng này với hiệu lực ngay lập tức vào bất kỳ thời điểm nào sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà Cung Cấp và không phải bồi thường hoặc thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Nhà Cung Cấp:

✓ Nếu Nhà Cung Cấp chậm trễ, trì hoãn hoặc không hoàn thành đúng việc thu gom Chất thải (Trừ trường hợp bất khả kháng qui định tại Điều 5 của Hợp đồng).

✓ Nhà Cung Cấp vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng mà không khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày sau khi De Heus có thông báo.

- Trong những trường hợp sau đây (“**Sự Kiện Vi Phạm**”), Nhà Cung Cấp có quyền chấm dứt, hoặc đình chỉ, hoặc hủy bỏ Hợp đồng này với hiệu lực ngay lập tức vào bất kỳ thời điểm nào sau khi thông báo bằng văn bản cho De Heus và không phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho De Heus:

✓ Nếu De Heus chậm trễ, trì hoãn hoặc không hoàn thành đúng việc thanh toán theo như đã

thỏa thuận trong hợp đồng cho Nhà Cung Cấp.

- ✓ De Heus vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng mà không khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày sau khi Nhà Cung Cấp có thông báo.
- Quyền của 02 (hai) bên quy định tại Điều này sẽ không bị hạn chế trong bất kỳ trường hợp nào, và có thể thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này sau khi có các Sự Kiện Vi Phạm nêu trên xảy ra, bất kể các bên đã áp dụng các chế tài khác (như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, v.v...)
- De Heus có thể chấm dứt Hợp Đồng này bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản cho Nhà Cung Cấp trước 10 ngày tính đến ngày chấm dứt hoặc trong trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 60 ngày nhưng hai bên sẽ không thống nhất được biện pháp giải quyết, De Heus có quyền chấm dứt Hợp Đồng này. Trong hai trường hợp này, De Heus sẽ thanh toán cho Nhà Cung Cấp những khoản tiền tương ứng với khối lượng Công Việc đã thực hiện và được De Heus xác nhận, đồng thời Nhà Cung Cấp sẽ hoàn trả lại De Heus khoản tiền mà Nhà Cung Cấp đã nhận tương ứng với phần Công Việc chưa được Nhà Cung Cấp hoàn tất thực hiện (nếu có).

ĐIỀU 5: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

5.1 Bồi thường thiệt hại:

- Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

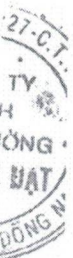
- Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;
- Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng tạm tính theo tháng xảy ra vi phạm.

5.3 Trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm quy định nào của Hợp Đồng này, Nhà Cung Cấp đồng ý, bằng chi phí của mình, sẽ:

- Tự chịu mọi trách nhiệm phát sinh từ việc vi phạm của Nhà Cung Cấp; và
- Giữ cho De Heus không bị liên can, không bị ảnh hưởng, không phải gánh chịu bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ việc vi phạm của Nhà Cung Cấp; và
- Trường hợp do vi phạm của Nhà Cung Cấp dẫn đến De Heus bị thiệt hại, thì ngay khi có yêu cầu từ De Heus, Nhà Cung Cấp sẽ bồi thường cho De Heus: (i) các khoản phạt, các khoản bồi thường cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc bên thứ ba mà De Heus phải gánh chịu phát sinh từ / có liên quan đến các vi phạm của Nhà Cung Cấp; (ii) các khoản chi phí khác phục do De Heus phải sử dụng dịch vụ của bên thứ ba để thay thế và tất cả các chi phí liên quan khác (bao gồm nhưng không giới hạn đến chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý, lưu giữ, chi phí luật sư (nếu có)), mà không có bất kỳ sự chậm trễ hay trì hoãn nào, hoặc không có bất kỳ yêu cầu nào khác cho việc bồi thường theo qui định tại Điều này, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên trong vòng 30 ngày tính từ ngày phát sinh tranh chấp, việc giải quyết tranh chấp sẽ được giải quyết bởi tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.



ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

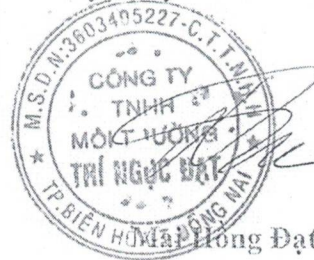
- Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi.
- Thông tin cán Bộ liên hệ của Nhà Cung cấp như sau: Họ tên: Võ Ngọc Hùng Số điện thoại: 0908.991234 Email (nếu có):
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau De Heus giữ 02 (hai) bản; Nhà Cung Cấp giữ 02 (hai) bản/.

ĐẠI DIỆN DE HEUS

Kim
Giám đốc nhà máy

Thái Minh Khoa
Thái Minh Khoa

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP



PHỤ LỤC 1

(Đính kèm và thực hiện theo Hợp đồng dịch vụ Số : 01-2025-CTCN PREMIX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp)

1. Quy định về an toàn khi thực hiện công việc tại Nhà máy:

- Nhà Cung Cấp bảo đảm việc thực hiện Công Việc theo quy định của Hợp Đồng này không gây ảnh hưởng đến bất kỳ hoạt động nào của Nhà máy, của bất kỳ bên thứ ba nào khác tại Nhà máy. Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ nhân viên, người lao động, nhà thầu phụ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào do Nhà Cung Cấp thuê mượn để thực hiện Công việc không được gây ra bất kỳ hư hỏng, mất mát, thiệt hại đối với bất kỳ tài sản của Nhà máy và/hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà máy.
- Nhà Cung Cấp đảm bảo tất cả các phương tiện, trang thiết bị cần thiết để nhận các chất thải phải được vệ sinh, sát trùng sạch sẽ trước khi đến nhận các chất thải tại Nhà máy, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các dụng cụ, xe vận chuyển và đảm bảo phù hợp theo các điều kiện theo qui định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh trong chăn nuôi, an toàn sinh học, v.v.
- Nhà Cung Cấp và tất cả nhân viên, người lao động, nhà thầu phụ của Nhà Cung Cấp không nhiễm các bệnh truyền nhiễm và phải tuân thủ đầy đủ các qui định, nội qui của De Heus và tất cả các yêu cầu, nội qui được qui định tại Nhà máy. Nhà Cung Cấp sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi

thường cho bất kỳ thiệt hại nào xuất phát từ việc không tuân thủ các qui định này hoặc do sự cẩu thả của nhân viên, người lao động của Nhà Cung Cấp gây ra cho De Heus.

- d. Nhà Cung Cấp phải tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và các qui định pháp luật khác có liên quan của nhân viên, người lao động, nhà thầu phụ của Nhà Cung Cấp. Nếu có bất kỳ tai nạn nào xảy ra mà không phải do lỗi của De Heus, Nhà Cung Cấp phải chịu mọi chi phí hoặc bồi thường cho nhân viên, người lao động, nhà thầu phụ của mình.
- e. Nhà Cung Cấp sẽ di dời, thu dọn toàn bộ vật tư, rác rưởi phát sinh từ việc thực hiện Công việc của Nhà Cung Cấp và dọn dẹp sạch sẽ để đạt được yêu cầu của De Heus trước khi rời khỏi Nhà máy. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp không thực hiện yêu cầu này, De Heus có quyền thuê, chỉ định một bên thứ ba thực hiện việc thu dọn và vệ sinh nêu trên. Chi phí thu dọn và vệ sinh sẽ được Nhà Cung Cấp thanh toán cho De Heus ngay khi được De Heus yêu cầu.

2. Các Cam Kết của mỗi Bên:

Cho mục đích của Hợp Đồng này, Mỗi Bên cam kết các nội dung nguyên tắc như sau:

- a. Mỗi Bên có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền hợp pháp, các giấy phép, chứng chỉ, cấp phép để ký kết và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và để hoàn thành các giao dịch được dự kiến trong Hợp Đồng;
- b. Mỗi Bên sẽ không, và giữ cho nhân viên của mình không, thực hiện bất kỳ hành vi nào gây hại hoặc có thể gây hại, ảnh hưởng bất lợi đến bất kỳ lợi ích nào của Bên còn lại, bao gồm nhưng không giới hạn ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh, lợi ích, nguồn nhân lực, thị trường, những yêu cầu bồi thường, các vụ kiện (nếu có).
- c. Mỗi Bên cam kết sẽ không sử dụng các thông tin, tài liệu, dữ liệu, hình ảnh, kiểu dáng, nhãn hiệu, biểu tượng, sản phẩm hay bất kỳ tài sản nào là đối tượng của pháp luật về sở hữu trí tuệ của De Heus và/hoặc bất kỳ bên thứ ba khác mà Nhà Cung Cấp không được phép sử dụng hợp pháp.
- d. Mỗi Bên cam kết không hủy ngang rằng bất kỳ và toàn bộ nhãn hiệu tên thương hiệu, kiểu dáng, logo sản phẩm hoặc bất kỳ đối tượng nào khác của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến Hợp Đồng này (nếu có), dù đã được đăng ký hay chưa được đăng ký dưới tên của De Heus, đã và sẽ thuộc quyền sở hữu của De Heus, và do đó Nhà Cung Cấp sẽ không sử dụng, đăng ký hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào có thể gây ra bất kỳ tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến các quyền sở hữu của De Heus theo qui định tại Điều này.
- e. Nhà Cung Cấp và tất cả nhân viên, nhà thầu phụ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác của Nhà Cung Cấp, sẽ tuyệt đối bảo mật bất kỳ và tất cả các hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cho dù là bằng văn bản, lời nói hoặc bằng bất kỳ hình thức nào khác liên quan hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này, cho dù là được cung cấp bởi De Heus hoặc được tạo ra bởi Nhà Cung Cấp theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn đến các thông tin, tài liệu liên quan đến tài chính, nhân sự, sản phẩm, chiến lược tiếp thị, kinh doanh, khách hàng ("**Thông Tin Mật**") trong suốt Thời Hạn của Hợp Đồng này và vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc Hợp Đồng này, và không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của De Heus, trừ khi theo yêu cầu của pháp luật hoặc của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- f. Mỗi Bên cam kết và bảo đảm rằng Mỗi Bên sẽ không và giữ nhân viên của mình không, trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành, đề xuất, hứa hẹn, chi trả hoặc chuyển giao bất kỳ thứ gì có giá trị bằng tiền hoặc không bằng tiền, cho nhân viên của Bên còn lại, người thân của nhân viên của Bên còn lại hoặc bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác có liên quan đến nhân viên của một Bên nhằm tác động đến các quyết định của nhân viên Bên còn lại để bảo đảm các ưu đãi và lợi thế của một Bên dưới bất kỳ hình thức nào hoặc hỗ trợ một cách không chính đáng để Bên đó đạt được hoặc duy trì các hoạt động kinh doanh với Bên còn lại trước, trong hoặc sau khi đàm phán và ký kết Hợp Đồng này.

NH
H
★

Mỗi Bên phải thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của Bên còn lại nếu một Bên biết hoặc có lý do để biết về bất kỳ hoạt động nào được mô tả tại Điều này và cung cấp cho Bên còn lại toàn bộ cơ sở, chứng cứ liên quan.

- g. Nhà Cung Cấp đồng ý, vào bất kỳ thời điểm nào của Hợp Đồng này, cho phép nhân viên của De Heus, hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác do De Heus chỉ định, được phép vào các khu vực thuộc quyền quản lý, sở hữu của Nhà Cung Cấp trong giờ làm việc, để xem xét việc thực hiện các cam kết của Nhà Cung Cấp theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này. Nhà Cung Cấp sẽ, và giữ cho tất cả nhân viên, người nhà của Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác có liên quan sẽ, không có bất kỳ hành vi nào ngăn cản hoặc gây khó khăn cho De Heus hoặc bên được De Heus chỉ định khi thực hiện các qui định tại Điều này. Để thực hiện qui định tại điều này, De Heus sẽ gửi thông báo cho Nhà Cung Cấp ít nhất 01 (một) ngày trước khi thực hiện và nhân viên của De Heus phải tuân thủ các qui định, hướng dẫn của Nhà Cung Cấp khi tiến hành vào các khu vực quản lý của Nhà Cung Cấp.
- h. Nhà Cung Cấp cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ dữ liệu cá nhân nào được cung cấp bởi Nhà Cung Cấp cho De Heus liên quan đến Hợp Đồng này (nếu có) đều đã được sự đồng ý và chấp thuận của chủ thể dữ liệu. Một cách cụ thể, chủ thể dữ liệu: (i) biết rõ rằng dữ liệu của họ sẽ được thu thập và xử lý bởi De Heus; và (ii) đồng ý và cho phép De Heus được phép xử lý các dữ liệu của họ một cách không hạn chế và không có điều kiện; và (iii) chấp nhận các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình dữ liệu của họ được xử lý bởi De Heus; và (iv) miễn trừ cho De Heus việc xin phép hoặc thông báo cho chủ thể dữ liệu trước khi tiến hành xử lý dữ liệu; và (v) cho phép De Heus được xử lý dữ liệu cá nhân của họ cho tất cả các mục đích hợp pháp do De Heus tự quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích nhằm truy xuất dữ liệu bán hàng, các báo cáo, thống kê, phân tích, quảng cáo, tiếp thị, truyền thông, thương mại .v.v.. Trường hợp, De Heus có yêu cầu, Nhà Cung Cấp sẽ cung cấp cho De Heus các tài liệu thể hiện sự chấp thuận của chủ thể dữ liệu đối với các nội dung được qui định tại Điều này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số: 150-2023/HĐNT.XLCT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 do Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
 - Căn cứ Giấy phép Môi trường số 145/GPMT-BTNMT ngày 17/05/2023 của Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp;
 - Căn cứ Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 12/SĐK-TNMT ngày 10/01/2011 mã số QLCTNH: 75.001438.T của Công ty Cổ phần MNS Feed – chi nhánh Đồng Nai 2;
 - Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,
- Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại văn phòng Công ty CP Dịch vụ Sonadezi, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MNS FEED – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại :
- Mã số thuế : 3603447499-002
- Đại diện : Ông **THÁI MINH KHOA**
- Chức vụ : Giám Đốc Nhà Máy

Theo Giấy Ủy Quyền số 68/010123/UQ/MNS ngày 01 tháng 01 năm 2023 của công ty TNHH De Heus.

Là Bên giao chất thải nguy hại để xử lý (Chủ nguồn thải)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Mã số thuế : 3600890938
- Điện thoại : 02518. 890 888
- Số tài khoản : 135704070032258 Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở Giao Dịch Đồng Nai
- Người đại diện : Bà **LÊ THỊ GIANG**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý chất thải).

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai Bên đồng ý ký hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là chất thải) với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

– Bên A thuê Bên B vận chuyển và xử lý chất thải của Bên A theo chủng loại chất thải như sau:

Stt	Chủng loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái
1	Tro xỉ lò hơi có chứa thành phần nguy hại	04 02 01	Rắn
2	Bao bì thùng chứa có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn
6	Pin , ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn
8	Dầu động cơ , hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng
9	Hóa chất thải từ phòng thí nghiệm có chứa các thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng
10	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ hoặc hữu cơ (các loại kháng sinh không còn sử dụng)	19 12 03	Rắn

– Địa điểm tiếp nhận chất thải tại kho chứa của bên A đặt tại: tại Công ty CP MNS Feed – Chi nhánh Đồng Nai 2 (Nhà máy Premix Đồng Nai), đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

2.1. Yêu cầu về điều kiện tiếp nhận và lưu chứa chất thải:

– Chất thải có thành phần đúng theo thành phần đã thống nhất tại Điều 1 của Hợp đồng này.

– Bên A chịu trách nhiệm phân loại và đóng gói riêng biệt các loại chất thải theo danh mục tại Điều 1 vào các bao bì chứa chuyên dụng, dán nhãn thông tin và nhãn cảnh báo của chất thải theo Phụ lục 1 và các quy định hiện hành để đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom, vận chuyển của Bên B.

– Chất thải phải được chứa trong bao bì có khả năng bền cơ học và hóa học đảm bảo cho quá trình bốc dỡ và vận chuyển. Bao bì phải được đóng nắp kín, không bị nứt, chảy, rò rỉ, không bị ăn mòn bởi chất thải chứa bên trong.

– Bên A chịu mọi trách nhiệm về chi phí bao bì và đóng gói chất thải trước khi bàn giao chất thải cho bên B (nếu có). Bao bì chứa chất thải sẽ được Bên B xử lý cùng với chất thải và không hoàn trả lại Bên A.

2.2. Yêu cầu về giao nhận chất thải:

2.2.1 Tiến độ giao nhận chất thải:

– Việc tiếp nhận chất thải được tiến hành với tần suất tối thiểu 03 tháng/lần (trung đương tối thiểu 04 lần/năm), hoặc theo yêu cầu của Bên A nhưng số lần giao nhận không thấp hơn quy định tại Mục này.

2.2.2 Kiểm tra sơ bộ chất thải trước khi giao nhận:

– Đợt tiếp nhận chất thải lần đầu: Sau khi nhận được thông báo của bên A (bằng văn bản, email hoặc điện thoại), trong thời gian 05 ngày Bên B sẽ đến kho lưu giữ chất thải của bên A để tiến hành kiểm tra sơ bộ về lô chất thải sẽ giao nhận.

+ Trong trường hợp chất thải của bên A đáp ứng yêu cầu tại mục 2.1, bên B sẽ thông báo cho bên A kế hoạch tiếp nhận chất thải.

+ Trong trường hợp lô chất thải của Bên A không đáp ứng được yêu cầu của mục 2.1, Bên B sẽ hướng dẫn Bên A thực hiện các yêu cầu này; nếu như Bên A vẫn không thể thực hiện các yêu cầu tại mục 2.1, hai Bên sẽ thỏa thuận lại về số lượng, chủng loại, đơn giá vận chuyển, xử lý và tiêu hủy cho lô chất thải không đáp ứng này.

– Các đợt tiếp nhận chất thải kế tiếp: Sau khi nhận được thông báo của Bên A (bằng văn bản, email hoặc điện thoại), trong thời gian 03 ngày, Bên B sẽ thông báo cho Bên A kế hoạch tiếp nhận chất thải, đồng thời sẽ tiến hành kiểm tra chất thải vào thời điểm tiếp nhận:

+ Trong trường hợp chất thải của Bên A đáp ứng yêu cầu tại mục 2.1, Bên B sẽ tiến hành tiếp nhận chất thải.

+ Trong trường hợp chất thải của Bên A không đáp ứng được yêu cầu của mục 2.1, Bên B có quyền từ chối không tiếp nhận chất thải và Bên A cũng phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ- PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải:

– Đơn giá vận chuyển và xử lý được hai bên thống nhất tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

– Khối lượng chất thải tính phí được xác định bằng phương pháp cân tại bàn cân của bên A và có sự xác nhận của hai Bên. Khối lượng chất thải là khối lượng tổng bao gồm bao bì chứa và chất thải Bên trong.

– Giá trị thanh toán được tính bằng khối lượng chất thải và số chuyến chất thải tiếp nhận thực tế đã được hai Bên xác nhận nhân với đơn giá được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này

– Đơn giá tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh khi có sự biến động về giá và sẽ được hai bên thống nhất tại Phụ lục Hợp đồng.

3.2. Phương thức và thời hạn thanh toán:

– Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

– Thời hạn thanh toán: vào cuối tháng vận chuyển chất thải Bên B gửi cho Bên A giấy báo thu phí xử lý chất thải cùng với 01 (một) biên bản giao nhận chất thải, hoá đơn tài chính, và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn hóa đơn tài chính do Bên B phát hành.

3.3. Bên B sẽ ngưng tiếp nhận chất thải của Bên A nếu không nhận được khoản thanh toán sau 01 (một) kỳ hóa đơn.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

4.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A:

- Thông báo trước cho bên B 03 (ba) ngày để tiến hành bàn giao chất thải.
- Bên A cam kết giao đúng chủng loại chất thải theo nội dung đã thống nhất tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên B.
- Trang bị bao bì chứa chất thải theo hướng dẫn đính kèm và thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, đóng gói chất thải theo qui định hiện hành hoặc theo hướng dẫn của Bên B.
- Phối hợp với Bên B trong việc lập và giao nhận chứng từ giao nhận hàng chất thải theo quy định.
- Hỗ trợ các thủ tục ra vào cổng, nhân lực, cần và xe nâng (nếu có) trong quá trình giao nhận chất thải khi Bên B vào thu gom, tiếp nhận và vận chuyển chất thải tại kho của Bên A.
- Thanh toán cho Bên B phí vận chuyển, xử lý theo quy định trong Điều 3 của Hợp đồng này theo đơn giá qui định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Trường hợp xe vận chuyển đã đến cơ sở của Bên A và không thể tiếp nhận chất thải do Bên A không phân loại, đóng gói như hướng dẫn của Bên B hoặc do bất kỳ lý do nào do lỗi của Bên A thì Bên A cũng phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó (2.750.000 VNĐ).
- Thanh toán phí giao dịch ngân hàng.
- Được quyền giám sát quá trình vận chuyển, xử lý và tiêu hủy của Bên B và yêu cầu Bên B thông báo kết quả xử lý theo định kỳ.

4.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B:

- Tiếp nhận, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên A đã bàn giao tại cơ sở xử lý đã được cấp phép đạt tiêu chuẩn môi trường hiện hành.
- Thông báo cho Bên A về kết quả xử lý lô chất thải đã tiếp nhận thông qua chứng từ chất thải và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường theo quy định.
- Phối hợp với Bên A trong việc lập và giao nhận chứng từ giao nhận chất thải theo quy định.
- Bên B có quyền từ chối tiếp nhận lô chất thải tại cơ sở của Bên A khi chủng loại chất thải không đúng với các yêu cầu đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng. Trường hợp khi tiếp nhận chất thải về cơ sở xử lý của Bên B và phát hiện thành phần không đúng tại Điều 1, Bên B có quyền tạm ngừng xử lý và thỏa thuận lại với Bên A về phương pháp xử lý, đơn giá xử lý. Trong trường hợp cần thiết Bên B sẽ trả lại toàn bộ lô chất thải đó cho Bên A và Bên A phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó (2.750.000 VNĐ).

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC VÀ HIỆU CHỈNH

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/09/2024. Nếu có nhu cầu kéo dài thêm thời gian thì Hai Bên sẽ thỏa thuận bằng một Phụ lục hoặc bằng một Hợp đồng khác do Hai Bên lựa chọn.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên cam kết tôn trọng tất cả mọi điều kiện và điều khoản quy định trong Hợp đồng này.

- Hiệu chỉnh và/hoặc bổ sung của Hợp đồng này sẽ được đưa vào phân phụ lục và được ký bởi hai Bên.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT

Hai bên cùng cam kết rằng tất cả thông tin được đề cập trong Hợp đồng này và những thông tin liên quan mà các bên cung cấp cho bên còn lại là một tài sản mật và không được tiết lộ cho bất cứ bên nào khác trong hoặc sau thời hạn Hợp đồng, trừ khi để cần thiết cho hai bên thực hiện Hợp đồng này hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền, pháp luật yêu cầu. Ngoài ra, trong mỗi trường hợp công bố thông tin trong hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản của hai Bên.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Bên A không giao chất thải cho Bên B theo tiến độ giao nhận chất thải quy định tại mục 2.2.1 của Hợp đồng này.
- Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.1, Điều 4 của Hợp đồng này.
- Bên B không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.2, Điều 4 của Hợp đồng này.
- Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
- Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi Hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai Bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của Hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác..., sự thay đổi các chính sách của Nhà nước;...

- Bên bị ảnh hưởng bởi (những) sự kiện bất khả kháng trên, sẽ thông báo cho Bên đối tác bằng thư điện tử ngay lập tức và không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng; trong đó, ghi rõ bản chất của sự kiện đó, thời điểm bắt đầu và chấm dứt theo dự định hay theo đánh giá. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên ký Hợp đồng sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.


- Nếu bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không thực hiện việc thông báo và những thủ tục cần thiết khác nêu trong Hợp đồng này thì sẽ không được hưởng bất kỳ quyền giảm nhẹ nào cho những sự kiện bất khả kháng kể trên và phải tuân thủ đúng những điều khoản quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này thay thế tất cả các thoả thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
- Các điều khoản khác không quy định trong Hợp Đồng sẽ được thực hiện phù hợp với Luật Việt Nam.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Các Bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

Các Phụ lục đính kèm tại thời điểm ký Hợp đồng này:

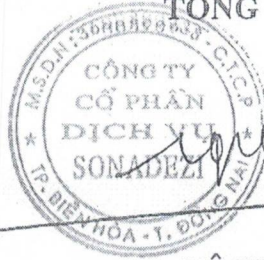
Phụ lục 1: Đơn giá vận chuyển và xử lý. Quy định về đóng gói và giao nhận chất thải.

 ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



THÁI MINH KHOA

ĐẠI DIỆN BÊN B 
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Kèm theo hợp đồng nguyên tắc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại số 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023 đã ký giữa Công ty CP Dịch vụ Sonadezi và Công ty CP MNS Feed – Chi nhánh Đồng Nai 2 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2023 chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MNS FEED – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Người đại diện : Ông **THÁI MINH KHOA**

- Chức vụ : Giám Đốc Nhà Máy

Theo Giấy Ủy Quyền số 68/010123/UQ/MNS ngày 01 tháng 01 năm 2023 của công ty TNHH De Heus.

Là Bên giao chất thải nguy hại để xử lý (Chủ nguồn thải).

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện : Bà **LÊ THỊ GIANG**

- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý chất thải).

Sau khi thảo luận hai Bên đồng ý ký bản phụ lục Hợp đồng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Stt	Chủng loại	Mã chất thải	Trạng thái	Đơn giá
1	Tro xỉ lò hơi có chứa thành phần nguy hại	04 02 01	Rắn	Xử lý: 5.000 đồng/kg Vận chuyển: 2.750.000 đồng/chuyến
2	Bao bì thùng chứa có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	
6	Pin , ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	
8	Dầu động cơ , hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	

Stt	Chủng loại	Mã chất thải	Trạng thái	Đơn giá
9	Hóa chất thải từ phòng thí nghiệm có chứa các thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng	
10	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ hoặc hữu cơ (các loại kháng sinh không còn sử dụng)	19 12 03	Rắn	

Ghi chú:

- Các đơn giá trên được áp dụng cho khối lượng chất thải giao nhận tối thiểu 1.200 kg/chuyến. Trường hợp khối lượng chất thải giao nhận thấp hơn 1.200 kg/chuyến, thì phí dịch vụ của chuyến giao nhận đó được tính là 8.750.000 đồng;
- Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT; Bên A có trách nhiệm nộp thuế theo quy định của Nhà nước;

ĐIỀU 2: Quy cách đóng gói giao nhận chất thải

Stt	Chủng loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Quy cách đóng gói chất thải
1	Tro xỉ lò hơi có chứa thành phần nguy hại	04 02 01	Rắn	Loại rắn: Sẽ được đóng gói trong bao P.P/bao nhựa hoặc thùng chứa phù hợp. Chất thải không có chứa chất lỏng hay nước tự do.
2	Bao bì thùng chứa có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Loại lỏng: Sẽ được chứa trong thùng phuy sắt/nhựa bởi khách hàng. Yêu cầu về giao nhận chất thải: chất thải được chứa tối đa 90% thể tích thùng chứa hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thùng chứa là 10cm để đảm bảo an toàn trong quá trình tiếp nhận và vận chuyển chất thải. Chất thải không lẫn tạp chất hay chất thải khác.
6	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	
9	Hóa chất thải từ phòng thí nghiệm có chứa các thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng	
10	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ hoặc hữu cơ (các loại kháng sinh không còn sử dụng)	19 12 03	Rắn	

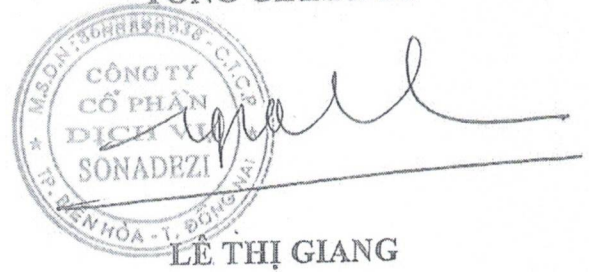
ĐIỀU 3: Điều khoản chung

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng.
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng.
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**



**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số: 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023 và các Phụ lục kèm theo đã ký giữa Công ty Cổ Phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty Cổ phần MNS Feed – Chi nhánh Đồng Nai 2 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);
- Căn cứ Thông báo V/v: Chuyển quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng ngày 06/03/2024 của Công ty TNHH MNS Feed;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 3701091716-041 của Công ty TNHH De Hues – Chi nhánh Sông Mây (Premix),

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Sonadezi, chúng tôi thống nhất những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: Điều chỉnh phần thông tin của Bên A tại Hợp đồng như sau:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
 - Điện thoại : 0251.3968.175 Fax:
 - Mã số thuế : 3701091716-041
 - Người đại diện : Ông **THÁI MINH KHOA**
 - Chức vụ : Giám đốc nhà máy
- Là Bên giao chất thải nguy hại để xử lý (Chủ nguồn thải)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Điện thoại : 02518.890888 Fax: 02518.890.199
 - Số tài khoản : 135704070032258 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai
 - Mã số thuế : 3600890938
 - Người đại diện : Bà **LÊ THỊ GIANG**
 - Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý)

ĐIỀU 2: Điều khoản chung

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng;
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số: 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023 và các Phụ lục kèm theo đã ký giữa Công ty Cổ Phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH De Hues – Chi nhánh Sông Mây (Premix) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
 - Người đại diện : Ông **THÁI MINH KHOA**
 - Chức vụ : Giám đốc nhà máy
- Là Bên giao chất thải nguy hại để xử lý (Chủ nguồn thải)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Người đại diện : Ông **TRẦN ANH DŨNG**
 - Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý)

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai Bên đồng ý ký bản Phụ lục kèm theo Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. GIA HẠN HỢP ĐỒNG

Hai bên đồng ý gia hạn hiệu lực Hợp đồng đến hết ngày 30/9/2025.

ĐIỀU 2: Điều khoản chung

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng;
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng;
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, mỗi bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Thái Minh Khoa



Trần Anh Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Số: 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 150-2023/HĐNT.XLCT ngày 02/10/2023 và các Phụ lục kèm theo đã ký giữa Công ty Cổ Phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH De Hues – Chi nhánh Sông mây (Premix) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

- Địa chỉ : Đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Người đại diện : Ông **THÁI MINH KHOA**
- Chức vụ : Giám đốc nhà máy
- Là Bên giao chất thải nguy hại để xử lý (Chủ nguồn thải)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện : Ông **TRẦN ANH DŨNG**
- Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý)

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai Bên đồng ý ký bản Phụ lục kèm theo Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. GIA HẠN HỢP ĐỒNG

Hai bên đồng ý gia hạn hiệu lực Hợp đồng đến hết ngày 30/9/2026.

ĐIỀU 2: Điều khoản chung

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng;
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng;
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, mỗi bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



THÁI MINH KHOA



Trần Anh Dũng

PHỤ LỤC 2. PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2502128 – 2502131

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 27/02/2025

4. Ngày trả kết quả : 10/03/2025

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³
Điểm đo				
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1	5.287	61	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2	2.502	52	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3	6.404	53	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4	1.790	35	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B	-	200	50	7,5

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
 Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
 QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2502197

1. **Tên khách hàng** :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. **Thông tin mẫu** : Nước thải sau hệ thống xử lý

3. **Ngày nhận mẫu** : 27/02/2025

4. **Thời gian thử nghiệm**: 27/02/2025 – 10/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 10/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	TCĐN KCN Sông Mây	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,72	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	61	200	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	59	250	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	103	400	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nitơ	mg/L	12,1	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Photpho	mg/L	2,6	8	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Coliform	MPN /100ml	3,8 x 10 ³	-	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- Mẫu do khách hàng gửi tới, không niêm phong (can nhựa 5 lít)

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2513967 – 2513970

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 03/07/2025

4. Ngày trả kết quả : 18/07/2025

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1		7.596	57	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2		6.124	92	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3		7.783	61	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4		7.033	75	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B		-	200	50	7,5

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2514035

1. **Địa điểm lấy mẫu** :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. **Thông tin mẫu** : Nước thải tại vị trí đầu nổi KCN

3. **Ngày lấy mẫu** : 03/07/2025

4. **Ngày trả kết quả** : 18/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	TCĐN KCN Sông Mây	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,32	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	139	200	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	72	250	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	157	400	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nitơ	mg/L	32,1	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Photpho	mg/L	2,4	8	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Coliform	MPN /100ml	3,5 x 10 ³	-	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2520072 – 2520073

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

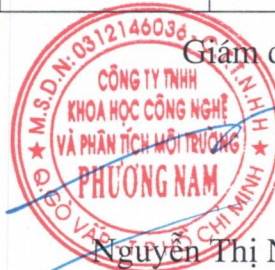
3. Ngày lấy mẫu : 16/09/2025

4. Ngày trả kết quả : 30/09/2025

Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³
Điểm đo				
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1	7.436	22	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2	3.528	41	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B	-	200	50	7,5

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2520103 – 2520104

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 16/09/2025

4. Ngày trả kết quả : 30/09/2025

Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³
Điểm đo				
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3	7.627	32	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4	1.873	26	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B	-	200	50	7,5

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2520072 – 2520073, 2520103 – 2520104

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 16/09/2025

4. Ngày trả kết quả : 07/10/2025

Điểm đo	Chỉ tiêu	Methyl mercaptan ^(a) mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1		KPH (LOD=0,05)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2		KPH (LOD=0,05)
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3		KPH (LOD=0,05)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4		KPH (LOD=0,05)
Phương pháp đo, xác định		PD CEN/TS 13649:2014
QCVN 20:2009/BTNMT		15

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- (a): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty cổ phần Môi trường Đại Nam (Vimcerts 288) (MHM: NTP-25-1464 - NTP-25-1467)
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2519973

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Thông tin mẫu : Nước thải tại vị trí đầu nổi KCN

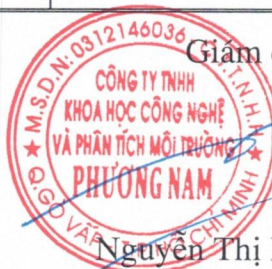
3. Ngày lấy mẫu : 16/09/2025

4. Ngày trả kết quả : 30/09/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	TCĐN KCN Sông Mây	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,15	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	81	200	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	68	250	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	132	400	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nitơ	mg/L	30,4	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Photpho	mg/L	2,1	8	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Coliform	MPN /100ml	3,2 x 10 ³	-	SMEWW 9221B:2023

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2523159 - 2523162

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 22/10/2025

4. Ngày trả kết quả : 13/11/2025

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³	Metyl mecaptan ^(a) mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1		4.234	55	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2		3.661	72	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3		5.202	80	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4		3.073	75	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020	PD CEN/TS 13649:2014
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B		-	200	50	7,5	
QCVN 20:2009/BTNMT		-	-	-	-	15

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- Dấu (a): Chỉ tiêu do NTP Vimcert 288 thực hiện (NTP-25-1578; NTP-25-1579; NTP-25-1580; NTP-25-1581)
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2523111

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông Mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Phân loại mẫu :

Nước thải

3. Thông tin mẫu :

NT – Nước thải tại vị trí đầu nối với KCN

4. Ngày lấy mẫu :

22/10/2025

5. Ngày trả kết quả :

13/11/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	TÇĐN KCN Sông Mây	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,95	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	130	200	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	62	250	SMEWW 5210B:2023
4	COD	mg/L	118	400	SMEWW 5220C:2023
5	Tổng Nito	mg/L	31,5	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Photpho	mg/L	2,3	8	SMEWW 4500-P.B&E:2023
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	5	SMEWW 5520B&F:2023
8	Coliform	MPN /100mL	3,5 x 10 ³		SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- LOD: Giới hạn phát hiện (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2523159 - 2523162

1. Địa điểm lấy mẫu :

CÔNG TY TNHH DE HEUS - CHI NHÁNH SÔNG MÂY (PREMIX)

Địa chỉ: Đường số 4, KCN Sông mây, Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 22/10/2025

4. Ngày trả kết quả : 13/11/2025

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³	NH ₃ mg/Nm ³	Metyl mecaptan ^(a) mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 1		4.234	55	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E2: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 2		3.661	72	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E3: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 3		5.202	80	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
E4: Bên trong ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi 4		3.073	75	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (MDL=0,05)
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010	JIS K 0099:2020	PD CEN/TS 13649:2014
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B		-	200	50	7,5	
QCVN 20:2009/BTNMT		-	-		-	15

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- Dấu (a): Chỉ tiêu do NTP Vimcert 288 thực hiện (NTP-25-1578; NTP-25-1579; NTP-25-1580; NTP-25-1581)
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

